



**BỘ THỦY SẢN**

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG  
BẢO TỒN RỪA BIỂN CỦA VIỆT NAM ĐẾN 2010**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI NÓI ĐẦU .....	2
LỜI CẢM ƠN .....	3
DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
TÓM TẮT .....	5
1. MỞ ĐẦU.....	7
1.1. Gi ới thi ệ u chung .....	7
1.2. Hi ệ n trạ ng r ỳ a bi ể n trê n th ế gi ớ i.....	8
1.3. Hi ệ n trạ ng r ỳ a bi ể n tạ i Vi ệ t Nam .....	8
1.4. Nh ữ ng đ ề oạ đ ế n quầ n th ể r ỳ a bi ể n tạ i Vi ệ t Nam .....	10
2. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG BẢO TỒN RÙA BIỂN.....	15
<b>2.1. Nguyên tắ c và mục tiêu thực hi ệ n.....</b>	<b>15</b>
2.1.1. Nguyên tắ c.....	15
2.1.2. Mục tiêu.....	15
<b>2.2. Các i nh vự c hoạ t đ ộ ng u i tiên.....</b>	<b>15</b>
2.2.1. Gi ả m thi ệ u các nguyên nh ậ n gâ y t ử vong cho r ỳ a bi ể n.....	15
2.2.2. Quầ n lý bãi đ ể và n ớ i ấp tr ứ ng.....	18
2.2.3. Bả o v ệ , quầ n lý và ph ứ c h ồi n ớ i sinh s ố ng của r ỳ a bi ể n.....	21
2.2.4. Nghi ệ n c ứ u và gi ả m s ắ t.....	23
2.2.5. Nâ ng cao nh ậ t th ứ c c ộ ng đ ộ ng và gi ả o d ứ c.....	25
2.2.6. H ợ p t ắ c tr ờ ng n ướ c, khu v ự c và qu ố c t ế .....	26
3. TỔ CHỨC THỰC HI Ệ N VÀ TRÁCH NHIỆ M CÁC BÊN LI Ề N QU Ầ N .....	29
3.1. Bộ Thu ỷ s ả n.....	29
3.2. Trung t ầ m K ỏ a h ọ c T ự nhi ệ n và C ộ ng ngh ệ Qu ố c gi ầ .....	30
3.3. Bộ N ộ ng nghi ệ p và Ph ấ t tri ể n N ộ ng th ồ n- .....	30
3.4. Bộ M ộ i tr ườ ng và T ầ i nguy ệ n.....	31
3.5. Bộ Qu ố c ph ồ ng.....	31
3.6. Bộ Gi ả o d ứ c và Đ ầ o t ậ o.....	31
3.7. Bộ Th ườ ng M ậ i.....	32
3.8. T ồ ng c ứ c H ả i qu ầ n .....	32
3.9. T ồ ng c ứ c Du l ị ch.....	32
3.10. Bộ K ỏ a h ọ c và C ộ ng ngh ệ .....	32
3.11. Các t ồ c ứ c qu ố c t ế và phi ch ấ nh ph ủ .....	32
4. PHỤ LỤC.....	34
Phụ l ự c 1: Các đ ề x ứ a t ậ d ự ả n u i tiên ti ế n h ầ n h ằ đ ế n 2010 .....	34
Phụ l ự c 2: Nh ữ ng t ắ c đ ộ ng đ ố i v ớ r ỳ a bi ể n có li ề n qu ầ n đ ế n hoạ t đ ộ ng của con ng ườ i .....	44
Phụ l ự c 3: B ả ng ứ c t ầ nh chi ph ớ các h ầ n h ằ đ ộ ng u i tiên .....	45

## LỜI NÓI ĐẦU

Rùa biển là loài động vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng trên phạm vi toàn cầu và đang được sự quan tâm đặc biệt của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có các nước Đông Nam Á. Các loài rùa biển được đưa vào Sách Đỏ của IUCN về những loài động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. Nhận thức được những lợi ích to lớn về văn hóa, kinh tế - xã hội và đa dạng sinh học của việc bảo vệ rùa biển và nơi sinh sống của chúng ở Việt Nam và theo những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, Bộ Thủy sản đã có những nỗ lực thúc đẩy trong hoạt động bảo tồn và quản lý rùa biển. Vào tháng 7 năm 2000, Bộ Thủy sản và IUCN-Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế đã tổ chức Hội thảo Quốc gia Lần thứ nhất về Bảo tồn và Quản lý Rùa biển. Tiếp đó, vào tháng 12 năm 2001, một Hội nghị Bàn tròn gồm đại diện của tất cả các cơ quan có liên quan đã được tổ chức nhằm thảo luận việc triển khai dự án bảo tồn và quản lý rùa biển. Một trong những kết quả quan trọng là Ban chỉ đạo dự án *Quản lý và Bảo tồn Rùa biển ở Việt Nam* đã được thành lập tháng 10 năm 2002 do Bộ Thủy sản chủ trì cùng với các thành viên thuộc nhiều ban ngành có liên quan tham gia.

Với yêu cầu tạo ra sự tiến triển đáng kể trong việc bảo tồn rùa biển ở Việt Nam, cần phải có những nỗ lực toàn diện, phối hợp ở cấp quốc gia. Trong khi *Kế hoạch Hành động Quốc gia về Đa dạng sinh học (1995)* đã xác định mục đích bảo vệ tất cả các loài sinh vật thì mục tiêu của *Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam đến 2010* tập trung vào một nhóm động vật là rùa biển và nơi sinh sống của chúng. Việc chuẩn bị Bản Kế hoạch Hành động (KHHĐ) này nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết và cấp bách, không chỉ riêng đối với Việt Nam mà còn đối với nhiều nước khác trong khu vực Đông Nam Á. Các bước tiếp theo của Kế hoạch Hành động là thiết lập các khu vực nghiên cứu và quản lý ưu tiên, tạo ra nền tảng cho sự phát triển và hợp tác các chương trình bảo tồn và quản lý các quần thể rùa biển và nơi sinh sống của chúng ở Việt Nam hiện nay cũng như trong tương lai.

Chúng tôi tin tưởng rằng tài liệu này sẽ góp phần quan trọng vào việc thiết lập các thể chế chính sách về bảo tồn và quản lý rùa biển ở Việt Nam, đồng thời tạo cơ sở thuận lợi thúc đẩy hơn nữa hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đa dạng sinh học, quản lý và phát triển bền vững nguồn tài nguyên quý giá ở biển Việt Nam.

**Bộ Thủy sản**

## LỜI CẢM ƠN

Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam đến 2010 do Bộ Thủy sản xây dựng và sự giúp đỡ về tài chính của Chủ tịch Hội Đan Mạch và sự giúp đỡ về kỹ thuật của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Quỹ quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF-Indochina) và Chương trình kiểm soát việc buôn bán động thực vật hoang dã (TRAFFIC). Trong quá trình xây dựng bản Kế hoạch hành động này, Ban soạn thảo đã nhận được sự tham gia tư vấn và giúp đỡ của đại diện nhiều cơ quan nhà nước các cấp, sự đóng góp ý kiến của nhiều nhà khoa học trong nước cũng như quốc tế và cộng đồng ngư dân. Bộ Thủy sản xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
Bord. Sol	Bộ đội biên phòng
CBD	Công ước Đa dạng Sinh học
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp
Con Dao NP	Vườn quốc gia Côn Đảo
CMS	Công ước Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư
DoFI	Sở Thủy sản
DoSTE	Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
EEZ	Vùng Đặc quyền Kinh tế
ENV	Tổ chức giáo dục môi trường Việt Nam
FFI	Tổ chức động thực vật quốc tế
FPD	Cục Kiểm lâm - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
HIO	Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng
IMA	Liên minh Sinh vật biển quốc tế
IOSEA	Bảo tồn rùa biển và quản lý nơi sinh sống của chúng khu vực Ấn Độ Dương và Đông Nam Á
IUCN	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
KHHĐ	Kế hoạch Hành động
MARPOL	Công ước Quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu gây ra
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MoD	Bộ Quốc phòng
MoE	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MoFI	Bộ Thủy sản
MoNRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MoST	Bộ Khoa học và Công nghệ
MOU	Biên bản Thỏa thuận
MTSG	Nhóm chuyên gia về Rùa biển (IUCN)
NADA	Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản - Bộ Thủy sản
NIO	Viện Hải dương học tại Nha Trang
Núi Chua NP	Vườn Quốc Gia Núi Chúa
NGO	Các tổ chức phi chính phủ
PSC	Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển
RIMF	Viện Nghiên cứu Hải sản
Sở KHCN & MT	Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường
TED	Thiết bị thoát rùa
TRAFFIC	Chương trình Kiểm soát việc buôn bán động thực vật hoang dã
UNCLOS	Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển
VEPA	Cục Bảo vệ Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường
WWF	Quỹ quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên

## TÓM TẮT

Việt Nam nằm ở Đông Nam Châu Á với bờ biển dài trên 3.260km (không kể bờ các đảo). Việt Nam cũng quản lý một vùng đặc quyền kinh tế xấp xỉ 1.000.000 km<sup>2</sup>, bao gồm trên 3.000 hòn đảo gần bờ và xa bờ. Diện tích đất liền của Việt Nam khoảng 329.707 km<sup>2</sup>, dân số năm 2001 là 79,2 triệu người và là một trong những khu vực có mật độ dân cư cao nhất thế giới (240.3 người/km<sup>2</sup>), trong đó có khoảng 60% sống ở vùng ven biển.

Vùng biển Việt Nam có mặt các hệ sinh thái với năng suất sinh học cao, bao gồm rừng ngập mặn rộng lớn tại vùng ven biển châu thổ sông Mê Kông và sông Hồng, các cửa sông, đầm phá, rạn san hô, thảm cỏ biển và các bãi cát. Đặc biệt là vùng vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh) đã được công nhận là Di sản thiên nhiên Thế giới vì giá trị đặc biệt của nó về cảnh quan tự nhiên và địa mạo. Khu bảo tồn biển đầu tiên nằm trong hệ thống các khu bảo tồn biển quốc gia đã được thiết lập và quản lý thử nghiệm tại Hòn Mun (tỉnh Khánh Hòa) nhằm bảo tồn, quản lý và sử dụng bền vững giá trị đa dạng sinh học quan trọng và nguồn tài nguyên biển của Việt Nam.

Trong khi mục tiêu của *Kế hoạch Hành động Quốc gia về Đa dạng Sinh học* (1995) là bảo vệ sự đa dạng sinh học cả trên đất liền và biển thì mục tiêu của *Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam đến năm 2010* nhằm bảo vệ, bảo tồn và quản lý một nhóm động vật biển (rùa biển) và nơi sinh sống của chúng.

Nội dung *Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam*:

- Cập nhật các vấn đề về bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng như thảm cỏ biển, rạn san hô và các bãi cát.
- Công nhận những lợi ích lâu dài về văn hóa, xã hội và kinh tế mà việc bảo tồn rùa biển mang lại cho người dân, đặc biệt là những cư dân đang sinh sống ở vùng ven biển.
- Nhấn mạnh việc giảm thiểu các đe dọa đối với rùa biển và giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn rùa biển.
- Là cơ sở cho việc hoạch định chính sách bảo vệ Rùa biển cho chính quyền các cấp.
- Nêu lên vai trò tham gia của cộng đồng cũng như các tổ chức quốc tế, chính phủ trong nỗ lực bảo tồn Rùa biển và nơi sinh sống của chúng.
- Nhấn mạnh trách nhiệm của các cấp từ địa phương, quốc gia, khu vực đến quốc tế và ủng hộ mạnh mẽ sự hợp tác giữa các cấp độ.

Tham gia ký *Biên bản Thỏa thuận IOSEA*, Chính phủ Việt Nam đã cam kết cung cấp các nguồn lực cần thiết để thực hiện *Kế hoạch Bảo tồn và Quản lý Rùa biển* của *Biên bản Thỏa thuận* này. Kế hoạch đó đưa ra 6 mục tiêu, trong đó 5 mục tiêu có liên quan đặc biệt đến việc xây dựng Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam:

- (1) Giảm thiểu nguyên nhân gián tiếp và trực tiếp gây chết rùa biển
- (2) Bảo vệ, bảo tồn và phục hồi các nơi sinh sống của rùa biển
- (3) Tăng cường hiểu biết về sinh thái học và các quần thể rùa biển thông qua các nghiên cứu, quan trắc và trao đổi thông tin.
- (4) Nâng cao nhận thức của cộng đồng về những đe dọa đối với rùa biển và nơi sinh sống của chúng, đề cao vai trò tham gia của người dân trong các hoạt động bảo tồn
- (5) Tăng cường hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

*Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam* có hai mục tiêu chiến lược chính:

- Giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với rùa biển tại Việt Nam từ đó thúc đẩy sự phục hồi của quần thể rùa biển trong tự nhiên.
- Hỗ trợ các cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế hiểu rõ hơn về những hoạt động bảo tồn rùa biển đang tiến hành tại Việt Nam, từ đó có thể tìm ra cách tham gia hiệu quả nhất.

KHHĐ Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam cũng đề xuất các hoạt động rõ ràng và khả thi nhằm giải quyết 6 mục tiêu đến năm 2010:

- (1) Giảm thiểu các nguyên nhân gây tử vong cho rùa biển
- (2) Quản lý các bãi đẻ và nơi ấp trứng
- (3) Bảo vệ, quản lý và phục hồi nơi sinh cư của rùa biển
- (4) Nghiên cứu và quan trắc
- (5) Nâng cao nhận thức cộng đồng và giáo dục
- (6) Hợp tác trong nước, khu vực và quốc tế

Bản Kế hoạch này được chia thành 4 phần. Phần 1 cung cấp các thông tin cập nhật nhất về mật độ, phân bố của rùa biển và các đe dọa đối với chúng ở Việt Nam và trên thế giới; Phần 2 nêu rõ những nguyên nhân và mục tiêu của KHHĐ và thống kê nội dung chính, bao gồm 6 mục tiêu bảo tồn, các yêu cầu và các hành động ưu tiên và cơ quan quản lý; Phần 3 đề cập đến việc Tổ chức thực hiện và Trách nhiệm của các bên liên quan; Phần 4- Phụ lục.

Các hoạt động đề xuất trong Kế hoạch Hành động này không thể bao quát hết mọi vấn đề và chỉ có thể miêu tả một phần những hoạt động cơ bản cần thiết cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Các khái niệm được xây dựng dựa trên sự tham khảo ý kiến các chuyên gia và các hoạt động đang được các cơ quan chính phủ và các tổ chức quốc tế và phi chính phủ thực hiện.

## I. MỞ ĐẦU

### 1. Giới thiệu chung

Việt Nam là một quốc gia ven biển nằm ở Đông Nam châu Á, có biên giới chung với Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia, nằm trên bờ Tây Thái Bình Dương, với tổng chiều dài bờ biển là 3.260km (không kể bờ các đảo). Theo Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982 (UNLOS), Việt Nam còn quản lý phần lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) có diện tích khoảng 1 triệu km<sup>2</sup> và hơn 3.000 hòn đảo lớn nhỏ rải rác từ Bắc vào Nam. Công tác phân định ranh giới trên biển ở vị trí Bắc Bộ với Trung Quốc cũng đã đạt được những kết quả nhất định. Các đảo ngoài khơi như quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã và đang được các cơ quan chức năng của Việt Nam và một số nước trong khu vực giải quyết thông qua đàm phán trên nguyên tắc đối thoại, toàn vẹn lãnh thổ, không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực để giải quyết các tranh chấp ở hai quần đảo này.

Vùng bờ biển Việt Nam rất đa dạng và đa dạng, bao gồm nhiều hệ sinh thái có khả năng tái sinh và năng suất sinh học cao như rừng ngập mặn, rạn san hô, bãi bùn triều, các bãi cát ven biển, các bãi cỏ biển, rong biển và hệ thống đầm phá. Các hệ sinh thái này vừa đa dạng về cấu trúc vừa phong phú về chức năng như điều hòa khí hậu, là nơi cư trú, sinh sản cho hàng ngàn giống loài thủy hải sản, chim và thú... Do vậy, các hệ sinh thái này cần được chú ý và quan tâm bảo vệ nhằm duy trì sử dụng và khai thác bền vững, phục vụ cho việc phát triển của ngành thủy sản và các ngành kinh tế khác. Tuy nhiên, nơi đây cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ và đe dọa bị hủy diệt và cạn kiệt tài nguyên tự nhiên.

Chính phủ Việt Nam nhận thức sâu sắc về mối quan hệ mật thiết giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, được thể chế hóa bằng hệ thống chính sách pháp luật nhằm đạt tới sự phát triển bền vững và phù hợp với các thỏa ước quốc tế đã ký.

Để phát triển kinh tế biển hợp lý và bền vững, một trong số các lựa chọn có nhiều hứa hẹn và có tính khả thi cao là thiết lập hệ thống khu bảo tồn biển và có kế hoạch bảo vệ một số loài sinh vật biển quý hiếm như rùa biển, cá heo, bò biển, cá mập, cá voi, chim biển, rạn san hô, thảm cỏ biển. Cho tới tháng 4 năm 2003, tổng số các khu bảo tồn của Việt Nam (bao gồm cả những khu đang đề nghị công nhận) là 199, trong đó có 15 khu bảo tồn biển. Cách tiếp cận và lựa chọn này của các cơ quan ban ngành có liên quan trong việc xem xét và đề xuất các khu bảo tồn biển đã thể hiện sự nỗ lực và cố gắng của Chính phủ Việt Nam trong việc quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và môi trường biển.

Bảo vệ Rùa biển ở Việt Nam đã được thể hiện cả trong Pháp lệnh Bảo vệ Nguồn lợi thủy sản (1989), Nghị định 48/CP và pháp luật quốc tế (Công ước Quốc tế về Buôn bán các loài động thực vật hoang dã nguy cấp - CITES; Phụ lục I và II). Việc bảo vệ rùa biển không chỉ tác động tích cực đến các loài rùa biển mà còn tác động tới các hệ sinh thái mà chúng phụ thuộc, đồng thời góp phần bảo vệ nơi sinh sống và đa dạng sinh học của các loài sống cùng sinh cảnh. Hơn nữa, Việt Nam đã tham gia ký Biên bản Thỏa thuận về Bảo tồn và Bảo vệ rùa biển tại khu vực Đông Nam Á tháng 9 năm 1997 (ASEAN MoU) và tham gia Biên bản thỏa thuận về Bảo tồn và Quản lý Rùa biển và Nơi sinh sống của chúng tại Khu vực Ấn Độ Dương và Đông Nam Á tháng 7 năm 2001 (IOSEA MoU). Bộ Thủy sản đã thành lập một Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ xem xét các công việc liên quan tới bảo tồn và quản lý rùa biển tại Việt Nam. Bản kế hoạch hành động quốc gia này được biên soạn dưới sự hướng dẫn của Ban chỉ đạo cùng với sự đóng góp ý kiến của nhiều ban, ngành và các chuyên gia có liên quan, nhằm hướng dẫn công tác nghiên cứu, quản lý và bảo tồn rùa biển ở Việt Nam.

KHHĐ Bảo tồn Rùa biển đã được nhiều chuyên gia từ các ban ngành và các tổ chức quốc tế có liên quan xem xét, thảo luận và xây dựng, đảm bảo mỗi chủ đề trong số 6 chủ đề được ưu tiên (đã được nêu ra trong IOSEA MoU) và các vấn đề liên quan đến việc xem xét, đánh giá và đưa ra các chương trình hoạt động ưu tiên phù hợp với Việt Nam.

## 2. Hiện trạng rùa biển trên thế giới

Hiện nay, trên thế giới có 7 loài rùa biển đã được ghi nhận, bao gồm các loài: Vích (Rùa xanh) (*Chelonia mydas*); Quắn đòng (Rùa đầu to) (*Caretta caretta*); Rùa mai phẳng (*Natator depressus*); Đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*); Rùa da (*Dermochelys coriacea*), Đồi mồi dứa (Đú) (*Lepidochelys olivacea*); và Rùa Kemp's Ridley (*Lepidochelys kempi*). Trong Sách Đỏ của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế - IUCN về những loài động vật bị đe dọa năm 2002 đã xếp Đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*) và Rùa da (*Dermochelys coriacea*) vào nhóm các loài bị đe dọa nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu, riêng loài Rùa mai phẳng (*Natator depressus*) (loài này chỉ có ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương) được xếp là loài còn thiếu thông tin và các loài còn lại được xếp vào nhóm các loài bị đe dọa. Ngoài ra, cả 7 loài này đều được liệt kê trong Phụ lục I của Công ước CITES và tất cả các loài (ngoại trừ Rùa mai phẳng) đều có trong Phụ lục I và II của Công ước về Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư (CMS).

Rùa biển là loài bò sát di cư sống lâu năm, phát triển chậm và đạt đến tuổi trưởng thành trong khoảng từ 15 đến 50 năm (tùy thuộc vào từng loài và khu vực phân bố). Ngoài ra, vòng đời của chúng phụ thuộc vào môi trường sinh cảnh khác nhau như đất liền, vùng ven bờ và đại dương. Do phụ thuộc vào môi trường sinh cảnh khác nhau và các đặc điểm của vòng đời nên khoảng cách giữa các thế hệ thường thưa, làm cho việc quản lý các loài này càng trở nên khó khăn.

Hiện nay trên toàn thế giới, có rất ít quần thể rùa thoát khỏi những tác động của sự khai thác có chủ ý hoặc do bị đe dọa bởi ô nhiễm, mất nơi sinh sống, dịch bệnh và các nguyên nhân khác do con người gây ra. Những tác động này đặc biệt phổ biến tại các nước Đông Nam Á. Ví dụ như loài Rùa da (*Dermochelys coriacea*) tại Malaysia đang ở bên bờ tuyệt chủng, mỗi năm chỉ còn vài ổ trứng tại đây. Những thông tin có được về Đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*) và Đồi mồi dứa (*Lepidochelys olivacea*) tuy rất ít, nhưng ước tính hiện nay quần thể các loài này tại Malaysia, Indonesia và Philippines đã bị suy giảm. Ngoài ra, phần lớn các quần thể Vích (*Chelonia mydas*) đã suy giảm nghiêm trọng trong vài thập kỷ gần đây.

Trong số 33 điểm tiêu biểu được đưa vào IUCN sử dụng để đánh giá xu hướng biến đổi số lượng rùa biển thì có 17 điểm có quần thể đang suy giảm. Tại Đông Nam Á, tuy chỉ có 7 điểm nhưng có tới 6 điểm bị đe dọa giá quần thể rùa biển suy giảm. Ví dụ như quần thể ở điểm nghiên cứu số 7 (đảo Sabah) đã từng bị suy giảm tới 80% trong nhiều thập kỷ trước, nhưng từ những năm 80 số lượng rùa đã hàng năm tại đây đã bắt đầu có xu hướng gia tăng. Do đó, các quần thể rùa biển ở Đông Nam Á rất cần các chương trình bảo tồn và biện pháp quản lý có hiệu quả nhằm phục hồi quần thể rùa biển trong khu vực.

## 3. Hiện trạng rùa biển tại Việt Nam

Tại Việt Nam, nghiên cứu về rùa biển đã được đề cập từ đầu thế kỷ 20 trong các báo cáo của Bourret (1941), Nguyễn Khắc Hường (1978), nhưng cho đến thời gian gần đây chúng mới được nghiên cứu một cách chi tiết. Việc nghiên cứu, quản lý và bảo tồn rùa biển được bắt đầu tiến hành từ năm 1995 tại Vườn Quốc gia Côn Đảo và đã thu được một số kết quả khả quan. Hiện nay đã xác định được 5 loài rùa biển phân bố ở vùng biển Việt Nam được trình bày trong bảng 1. Các quần thể rùa biển dọc vùng biển Việt Nam đã chịu những tác động mạnh mẽ của con người trong nhiều thập kỷ. Rùa biển và trứng của chúng đã bị khai thác làm thức ăn, làm thuốc, bị buôn bán và sử dụng để chế tác mai rùa, mũu nhồi và đồ mỹ nghệ. Căn cứ trên các báo cáo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Hải sản, IUCN Việt Nam, WWF - Đông Dương, Vườn Quốc gia Núi Chúa và Vườn Quốc gia Côn Đảo cho thấy, các loài ngày càng hiếm nhất là Đồi mồi, Quắn đòng và Rùa da. Ngoài ra, những tác động gián tiếp và đe dọa bất thường chủ yếu của môi trường hoạt động khai thác thủy sản khác cũng chưa được đánh giá chi tiết và chính xác. Hậu quả là tất cả các loài rùa biển đều bị đưa vào Sách Đỏ của Việt Nam.

Bảng 1: Các loài rùa biển đã được xác định phân bố ở vùng biển Việt Nam

Tên Việt Nam	Tên tiếng Anh	Tên khoa học
Ví ch (Rùa xanh)	Green turtle	<i>Chelonia mydas</i>
Đôi môi	Hawksbill turtle	<i>Eretmochelys imbricata</i>
Đôi môi dứa (Đú)	Olive ridley turtle	<i>Lepidochelys olivacea</i>
Rùa da	Leatherback turtle	<i>Dermochelys coriacea</i>
Quản đ ông (Rùa đ ầu to)	Loggerhead turtle	<i>Caretta caretta</i>

Loài Quản đ ông (*Caretta caretta*) không sinh sản tại vùng biển Việt Nam và hiện chỉ còn kiếm ăn ở các vùng biển khu vực Cô Tô - Thanh Lân (Quảng Ninh), các tỉnh Nam Trung Bộ (từ Quảng Ngãi đến Ninh Thuận) và các đảo khu vực Côn Đảo. Tuy không có đủ thông tin để đánh giá số lượng loài Quản đ ông vẫn giữ nguyên hay suy giảm tại vùng biển Việt Nam, nhưng theo những kết quả nghiên cứu tại hai quần thể sinh sản lớn tại các đảo Phú Quốc và Phú Quốc, Australia cho thấy số lượng rùa biển tại các khu vực này đã suy giảm đáng kể, do đó có thể kết luận rằng số lượng Quản đ ông kiếm ăn tại Việt Nam cũng đã và đang bị suy giảm.

Loài Rùa da (*Dermochelys coriacea*) đã từng rất phổ biến tại vùng biển Việt Nam cách đây hơn 30 năm, số lượng đẻ trứng hàng năm khoảng 500 con. Nhưng theo những báo cáo gần đây đã cho thấy hiện nay Rùa da đã bị suy giảm nghiêm trọng, chỉ còn khoảng 10 con đẻ trứng mỗi năm tại khu vực.

Loài Đôi môi dứa (*Lepidochelys olivacea*) phân bố nhiều ở các khu vực vịnh Bái Tử Long và các tỉnh miền Trung (từ Hà Tĩnh đến Phú Yên). Hiện nay chỉ còn khoảng 100 con lên đẻ mỗi năm tại một số bãi biển thuộc khu vực Bái Tử Long (đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng), bán đảo Sơn Trà (thành phố Đà Nẵng) và tỉnh Quảng Bình.

Đầu thế kỷ 20, loài Đôi môi (*Eretmochelys imbricata*) đã từng rất phổ biến ở vùng biển Việt Nam, tuy không có những thông tin chính xác số lượng của chúng trong thời điểm đó nhưng căn cứ vào kết quả khảo sát ước tính có khoảng 500 con lên đẻ tại các đảo khu vực vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan, Côn Đảo. Việc chế tác các sản phẩm Đôi môi đã trở thành nghề truyền thống ở nhiều địa phương và Đôi môi bị coi là một nguồn lợi, do đó việc khai thác chúng đã trở nên rất phổ biến và đem lại nhiều thu nhập cho ngư dân trong một thời gian dài. Hiện nay số lượng Đôi môi lên đẻ và kiếm ăn tại vùng biển Việt Nam còn rất ít, nếu không có những biện pháp tích cực ngăn cấm việc đánh bắt hay buôn bán chúng, thì rất có thể Đôi môi sẽ bị tuyệt chủng tại vùng biển Việt Nam trong vài thập kỷ tới.

Loài Ví ch (*Chelonia mydas*) là loài phổ biến nhất tại vùng biển Việt Nam, chúng sinh sản tại rất nhiều bãi biển ven bờ và các đảo. Vào những năm 70, ước tính số lượng Ví ch lên đẻ hàng năm vào khoảng 100 con tại các đảo ở vịnh Bắc Bộ, 500 con tại ven bờ và các đảo ở Nam Trung Bộ (Quảng Nam đến Ninh Thuận), 230 con tại Côn Đảo và 100 con tại các đảo ở vịnh Thái Lan. Nhưng theo những khảo sát gần đây, số lượng Ví ch đã và đang bị suy giảm tại tất cả các khu vực ngoại trừ Côn Đảo. Hiện nay, mỗi khu vực chỉ còn khoảng 10 con lên đẻ mỗi năm, riêng khu vực Côn Đảo số lượng rùa mẹ lên đẻ trứng vẫn duy trì ổn định trong suốt 8 năm qua (từ năm 1995 đến năm 2003) với số lượng khoảng 230 con mỗi năm. Tuy đã có nhiều thông tin về sự xuất hiện của rùa biển tại một số đảo ngoài khơi như Trường Sa, Hoàng Sa, Bạch Long Vĩ và Phú Quý, nhưng các khảo sát nghiên cứu chi tiết về thành phần loài và số lượng của chúng vẫn chưa được tiến hành. Do đó không thể xác định chính xác thành phần và số lượng rùa biển còn lại tại đây.

#### 4. Những đe dọa đến quần thể rùa biển tại Việt Nam

Trong những năm qua, các loài rùa biển đã bị con người khai thác làm thức ăn, các phụ phẩm khác như mai rùa được dùng làm đồ chế tác trang trí và bán cho khách du lịch. Tình hình này đã ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống tài nguyên biển, các loại tài nguyên thủy sản đã bị đánh bắt bằng lưới kéo, lưới rê, lưới và y làm cho ngư trường cạn kiệt, môi trường sinh thái biển bị ô nhiễm, nơi cư trú bị hủy hoại và xuống cấp trầm trọng nhất là các thảm cỏ biển, các rạn san hô là nơi cư trú và nguồn thức ăn không còn nữa. Mặt khác sự hiện diện của con người trên các đảo, sự tác động của ánh sáng, chất thải, tiếng ồn từ các động cơ tàu thuyền... là những nguyên nhân chính dẫn tới sự suy kiệt quần thể rùa biển. Xói lở bờ biển, sạt lở các bãi đẻ do sự tàn phá của thiên tai như bão lụt, dòng chảy và quá trình đô thị hóa cũng là những nguyên nhân khác quan trọng gây ra sự suy giảm.

Số lượng rùa biển đã bị suy giảm nghiêm trọng, nhiều bãi đẻ rùa lên đến nay không còn nữa. Để bảo vệ và phát triển các loài rùa, các nhà chuyên môn và các nhà quản lý cho rằng cần tiến hành các cuộc khảo sát đồng bộ và tổng hợp các số liệu về quần thể rùa biển. Đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương và các ban, ngành có liên quan tiến hành giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị của rùa biển cũng như thức bảo vệ chúng. Điều quan trọng là Chính phủ Việt Nam cùng các tổ chức quốc tế, phi chính phủ, các nhà tài trợ cần có chiến lược cả về kinh phí hỗ trợ lẫn chuyên môn nghiệp vụ cho công tác này. Việc xây dựng và thiết lập các trung tâm bảo tồn và cứu hộ rùa biển là công việc hết sức cần thiết trước nguy cơ cạn kiệt và biến mất của các loài rùa biển quý hiếm này.

Trong mỗi giai đoạn của vòng đời, rùa biển là đối tượng của nhiều loại tác động khác nhau có thể ảnh hưởng đến sự sống sót hay khả năng sinh sản thành công của chúng. Những tác động có khả năng làm giảm sút kích thước quần thể và đe dọa đến các loài đó bao gồm các: đánh bắt và khai thác trực tiếp, đánh bắt không chủ ý, thu hoạch trứng trái phép, dịch bệnh, khai thác cát, phát triển du lịch, các hoạt động biên phòng... Những thông tin về các đe dọa tới từng loài rùa biển được trình bày chi tiết trong Phụ lục 1. Tuy nhiên trong phần lớn các trường hợp không có các số liệu để định lượng và vì vậy chỉ có thể cung cấp một bức tranh có tính khái quát về các tác nhân gây ra sự suy giảm quần thể rùa biển nói chung.

##### 1.4 Các tác động trực tiếp đến quần thể rùa biển

Đánh bắt trực tiếp và thu hoạch trứng tại các bãi đẻ là nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm số lượng rùa đẻ của tất cả các loài rùa biển tại Việt Nam. Hiện nay rùa lên đẻ tại các bãi cát tại vùng biển Việt Nam rất rải rác và hiện tượng đánh bắt trực tiếp rùa mẹ lên đẻ đã giảm nhiều. Tuy nhiên, theo kết quả chuyển khảo sát kết hợp (Bộ Thủy sản, Viện nghiên cứu Hải sản, IUCN Việt Nam, 2002) cho thấy rằng ở những nơi không được bảo vệ phần lớn trứng đã bị thu hoạch. Trong mô hình phát triển của quần thể rùa biển cho thấy rằng phải 30 đến 50 năm sau, những tác động của việc khai thác trứng đến sự suy giảm quần thể rùa biển mới thể hiện rõ. Quần thể rùa biển sinh sản tại Việt Nam không thể duy trì trước thực trạng này. Trên thực tế chỉ có một sự lựa chọn duy nhất có lợi cho rùa biển là 100% số rùa lên đẻ và trứng của chúng phải được bảo vệ.

Tương tự như vậy, số lượng phương tiện sử dụng và một số phương pháp khai thác đã từng thí nghiệm để đánh bắt rùa biển tại khu vực kiếm ăn của chúng (nhục u kiêu và lưới rê) giờ đã giảm bớt bởi vì đối với ngư dân rùa biển không còn nhiều giá trị kinh tế nữa. Do đó hiện nay rùa biển chủ yếu bị đánh bắt không chủ ý. Tuy nhiên, tình trạng những ngư dân khi lỡ tay khai thác các loài hải sản có giá trị kinh tế đồng thời đã đánh bắt cả Vách và Đồi mỗi khi có cơ hội cũng là một mối đe dọa đáng kể đối với các loài này. Phương pháp này có thể đánh bắt hàng trăm con mỗi loại, do đó cần thiết phải loại bỏ trong tương lai gần nếu như những quần thể kiếm ăn của những loài này còn tồn tại. Một điều quan trọng là tháng 4 năm 2002, Chính phủ Việt Nam đã sửa đổi và

đưa rùa biển vào Nghị định 48 CP, theo Nghị định này việc cõng tù nh đ ánh bắ t, giế t hoặ c tiêu thụ rùa biển là vi phạm pháp luật.

## 4.2. Các tác động gián tiếp đến quần thể rùa biển

*Tác động đến nơi kiếm ăn của rùa biển*

Việc đ ánh bắ t không chú ý rùa biển là một vấn đề lớn và trên quy mô rộng, với tỷ lệ lớn rùa biển chết do các ngư cụ hoặ c bị giế t đ ể làm thức ăn. Những phương pháp ảnh hưởng lớn nhất là (1) lưới giã, (2) lưới rê, lưới vạ y, và (3) cá u kiề u.

Báo cáo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (1999) ước tính rằng trong khoảng thời gian từ 1993-1998 có trung bình 40.000 phương tiện đ ánh bắ t đ ược cấp giấy phép hoạt động trong 18 tỉ nh ven biển đ ã đ ược tiến hành khảo sát. Trong số những phương tiện đ ược cấp giấy phép hoạt động đ ó có 34,2% làm nghề lưới giã, 20,4% làm nghề lưới rê. Do đ ó, xấp xỉ 13.680 phương tiện làm nghề lưới giã và 8.160 phương tiện làm nghề lưới rê trên 18 tỉ nh ven biển Việt Nam. Số liệu khảo sát của Bộ Thủy sản chỉ ra rằng số lượng rùa biển bị bắ t chủ yếu do lưới giã, lưới rê và cá u kiề u.

Các thiết bị thoát rùa (TED) cần đ ược sử dụng trong các lưới giã, cấm khai thác theo từng mùa hay từng khu vực nhất đ ịnh; hạn chế thời gian và khoảng cách kéo lưới sẽ là những biện pháp hữu hiệu giúp giảm tỷ lệ tử vong của rùa biển. Đó là bài học kinh nghiệm từ một số nước trong khu vực và trên thế giới cần áp dụng và nên đ ược xem xét đ ánh giá ở Việt Nam. Cho dù vấn đề này đ ã bị tranh cãi gay gắt về các phí tổn phát sinh và thất thoát về sản lượng, cũng như không có sự ủng hộ nhiệt tình của ngư dân.

Trong hai thập kỷ gần đ â y, cùng với sự phát triển kinh tế, số lượng tàu thuyền đ ánh cá và du lịch ch dọc theo vùng ven biển Việt Nam tăng lên một cách nhanh chóng. Trong quá trình đ ánh bắ t, có những ngư cụ bị mất hay bị vứt bỏ (còn gọi là “ngư cụ ma”). Đó là những chèo lưới rê bị mất c và o rạn đá hoặ c rạn san hô tiếp tục tàn sát rùa biển và các sinh vật biển khác khi vướng và o nó. Những chèo lưới này có thể gây tác hại hàng chục năm sau khi bị bỏ lại dưới biển. Tuy chưa có số liệu thống kê đ â y đ ù nhưng hàng năm số lưới rê bị mất trong toàn quốc ước tính có thể lên đ ến hàng trăm ki lô mét. Ngoài ra, sự gia tăng tiếng ồn và ô nhiễm biển ví dụ: dầu thải, rác thải (gồm túi nylon, lưới hỏng và những đồ vật khác...) đ ã tác động một cách tiêu cực tới các quần thể rùa biển và các loài khác khi chúng ăn và o, bị vướng phải, bị thương, bị tắc hệ thống tiêu hóa hay làm giảm diện tích nơi kiếm ăn và sinh sản của chúng. Những yếu tố này cũng đ ã góp phần làm tăng tỷ lệ rùa biển bị tử vong tại Việt Nam. Trên thực tế, những yếu tố này là những đe dọa lớn nhất gây tử vong cho rùa biển chưa kể đ ến yếu tố đ ánh bắ t trực tiếp hay bị bệ nh tật. Rác thải ở biển không chỉ ảnh hưởng đ ến rùa biển mà còn đe dọa đ ến sức khỏe của hệ sinh thái biển và các ngành công nghiệp liên quan như du lịch và khai thác hải sản. Nếu như vấn đề này không đ ược chú ý trong thời gian tới thì vùng ven biển có giá trị và các hệ sinh thái biển của Việt Nam sẽ bị đe dọa nghiêm trọng và bị tổn hại không thể bù đắp đ ược.

Các rạn san hô ở Việt Nam trong một thời gian dài bị tàn phá do khai thác hải sản bằng chất nổ và chất độc xyanua, các thảm cỏ biển và rừng ngập mặn trong hàng thập kỷ qua bị khai hoang, khai thác cạn kiệt, lãng phí đ ồng trầm tích và các tác động khác. Trong những năm gần đ â y, các cơ quan chính phủ và tổ chức quốc tế, phi chính phủ đ ã có những nỗ lực rất lớn nhằm ngăn chặn việc sử dụng các phương pháp khai thác hải sản mang tính hủy diệt và đ ể xuất các phương hướng sử dụng hợp lý các hệ sinh thái biển và vùng ven biển.

### Tác động đến nơi sinh sản của rùa biển

Ngoài các tác động tự nhiên đến xói lở bờ biển như bão, sóng... thì các hoạt động như khai thác cát, phát triển du lịch, rác thải từ biển và phát triển đô thị vùng ven biển là những nguyên nhân chính gây nên tác động tiêu cực đến nơi sinh sản của rùa biển.

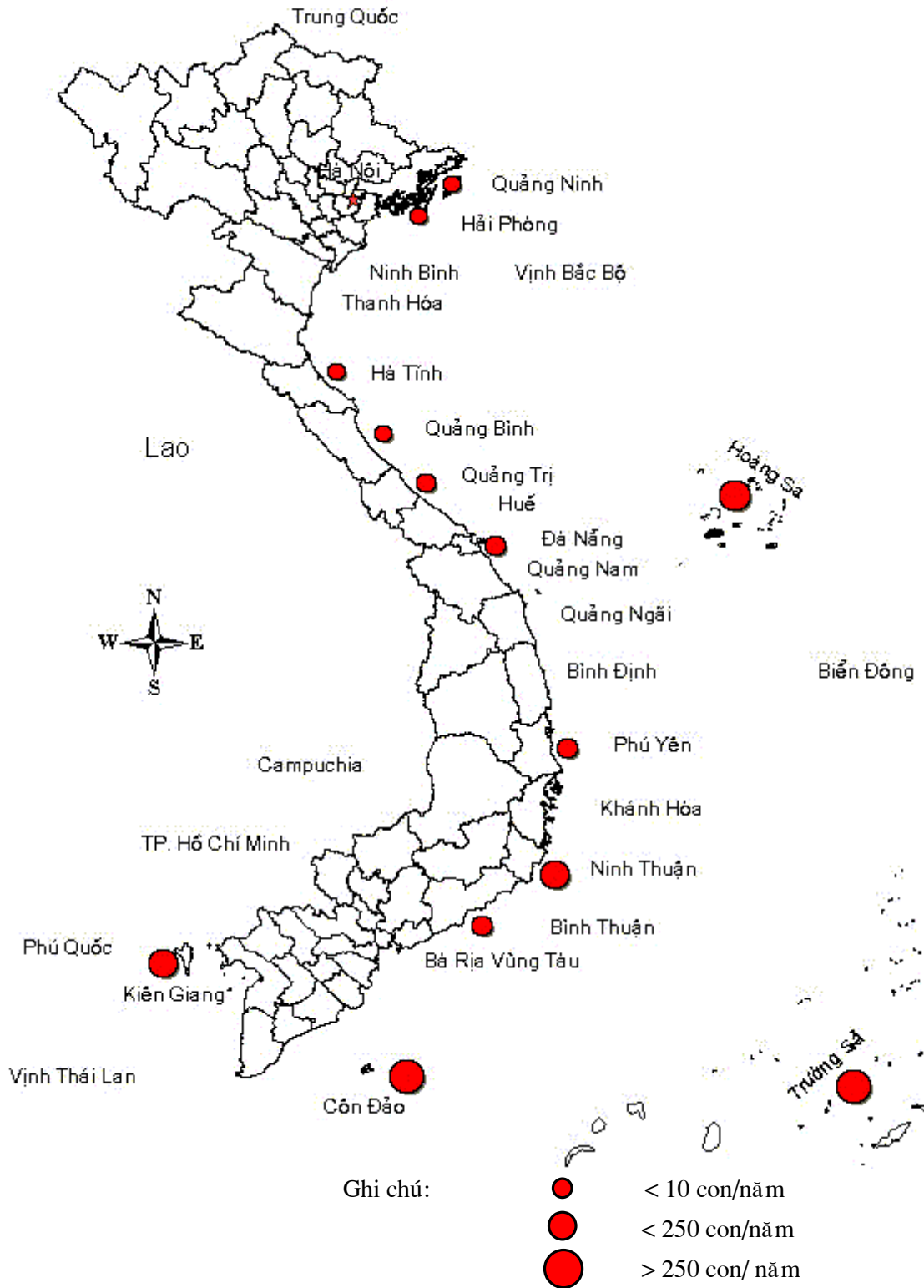
Tuy chưa có những số liệu về ảnh hưởng của việc khai thác cát tại đảo Minh Châu và Quan Lạn (Quảng Ninh) đến nơi sinh sản của rùa biển tại khu vực này, nhưng nếu tiếp tục khai thác cát mở rộng đến các bãi biển nơi mà vẫn xuất hiện rùa lên đẻ trứng (Sơn Hào và Đâu Trũi) thì chắc chắn nó sẽ ảnh hưởng tới sự ổn định của các bãi đẻ này. Việc khai thác cát còn xuất hiện tại nhiều bãi biển trên đất liền nhưng không có những thông tin về ảnh hưởng của chúng đối với rùa biển. Những nghiên cứu tiếp theo tại các bãi biển như Phú Yên và Khánh Hòa là cần thiết để xác định những tác động không có lợi tương tự.

Những bãi biển mà vẫn còn xuất hiện rùa biển lên đẻ trứng thường vẫn còn hoang sơ và phần lớn nằm ngoài khơi hoặc cách xa vùng phát triển du lịch. Tuy nhiên, các bãi biển tại bán đảo Sơn Trà (thành phố Đà Nẵng) và hàng loạt các bãi biển tại Quan Lạn – Minh Châu (Quảng Ninh) đã được quy hoạch để phát triển du lịch. Nếu những bãi biển này được phát triển thì nơi sinh sản của rùa biển sẽ phải đối mặt với các nguy cơ từ nhiều yếu tố khác nhau như việc cải tạo các bãi biển, sự ảnh hưởng của ánh sáng, tiếng ồn và số lượng người đến bãi biển tăng lên.

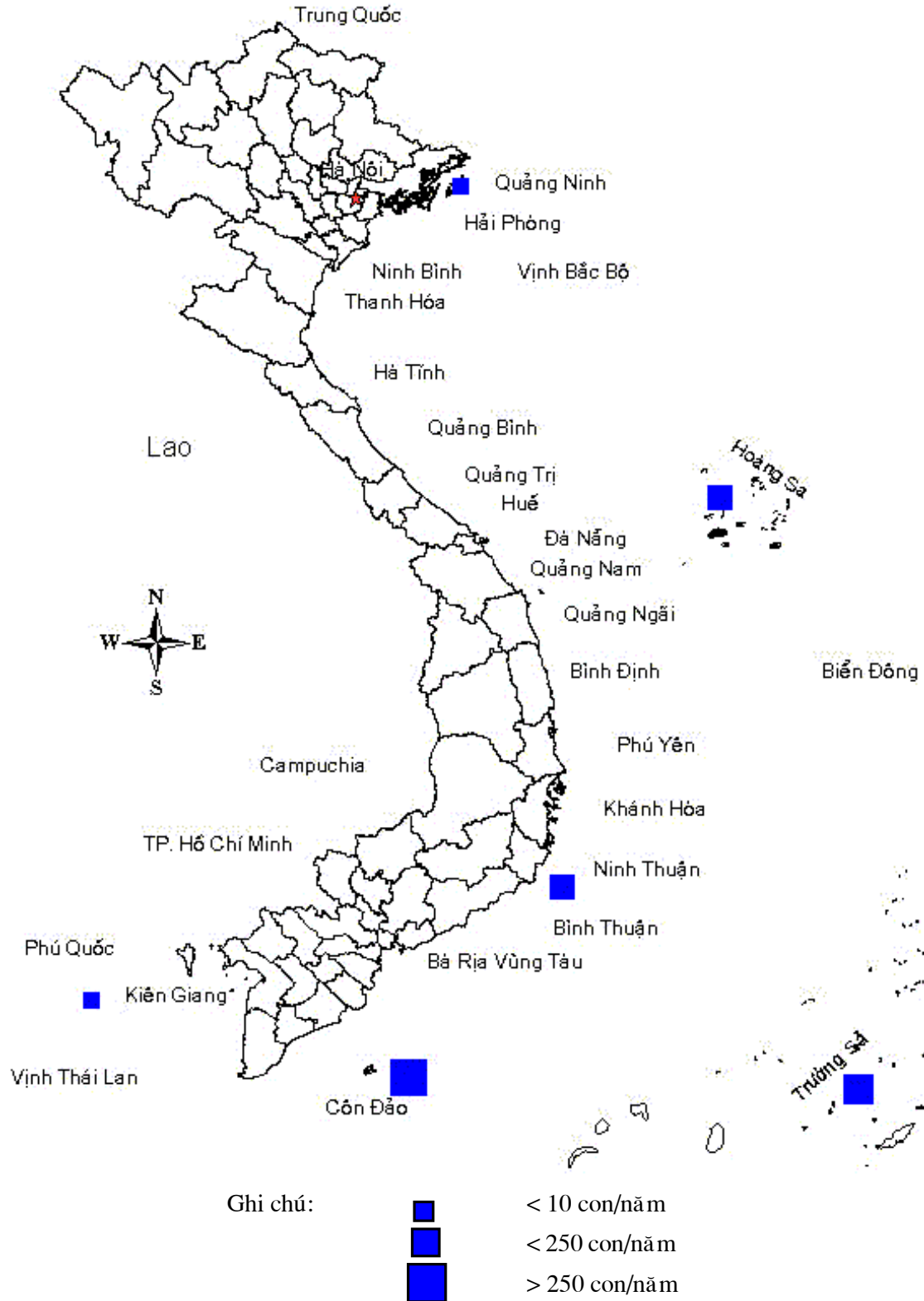
Lượng rác thải tại các bãi biển ở Việt Nam rất lớn. Phần lớn các rác thải này là chai lọ, túi nylon, đồ nhựa và các đồ vật liên quan tới các nghề đánh cá như phao, lưới, bóng đèn v.v... Những chất thải này sẽ ngăn trở việc di chuyển và đào ổ đẻ trứng, làm cho rùa lên đẻ bị thương và dẫn tới tử vong. Việc xây dựng hệ thống đê chắn ở vùng ven biển như đê biển, kênh mương, đê chắn sóng, nuôi trồng thủy sản trên cát, các làng đánh cá, cảng nhỏ hoặc cầu tàu v.v... ở những nơi là bãi đẻ của rùa cũng tác động đến điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến tỷ lệ rùa lên đẻ.

### 4.3. Vấn đề về buôn bán trái phép các sản phẩm từ rùa biển

Trong khi phần lớn Đồi môi dứa, Rùa da và Quần đong bị giết một cách trực tiếp hay gián tiếp làm thức ăn thì rất nhiều Ví ch và Đồi môi lại bị buôn bán một cách bất hợp pháp để chế tạo các loại đồ trang sức, đồ mỹ nghệ và mẫu nhồi. Rất khó có thể xác định chính xác số lượng rùa biển bị giết mỗi năm và tốc độ tiêu thụ của các loại sản phẩm này trên thị trường. Ngoài ra, còn có các hoạt động buôn bán bất hợp pháp như (1) việc bán buôn (bán lẻ) các sản phẩm rùa biển có tổ chức, (2) nhập khẩu lậu mai rùa từ các nước khác ngoài chợ đen, và (3) một số lượng đáng kể các sản phẩm từ mai rùa được bán cho các du khách quốc tế và nội địa rất cần có sự kiểm tra xử lý của các cấp chính quyền địa phương.



Hình 1. Phân bố của rùa biển kiếm m ăn tại Việt Nam  
(Báo cáo Hiện trạng rùa biển năm 2002- IUCN)



Hình 2. Phân bố của rùa biển sinh sản tại vùng biển Việt Nam  
(Báo cáo Hiện trạng rùa biển năm 2002- IUCN)

## II. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG BẢO TỒN RÙA BIỂN

### 2.1. Nguyên tắc và mục tiêu thực hiện

#### 2.1.1. Nguyên tắc

Quan trọng quan điểm của Đảng và cam kết của Chính phủ, Kế hoạch hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam phải được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau:

- Mục tiêu và nội dung của KHHĐ Bảo tồn Rùa biển không tách rời mục tiêu và nội dung của Kế hoạch Hành động Đa dạng sinh học của Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 1995.
- Phải phù hợp với nguồn lực Quốc gia, được xây dựng trên cơ sở tiếp thu các bài học kinh nghiệm của các nước.
- Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Quốc gia.
- Phù hợp với nội dung của các Công ước Quốc tế có liên quan đến bảo tồn rùa biển mà Việt Nam đã tham gia như Công ước Đa dạng sinh học (1994), Công ước CITES (1994)...
- Phù hợp với Chiến lược Bảo vệ môi trường của Việt Nam

#### 2.2.2. Mục tiêu

##### Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu của Kế hoạch Hành động Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam đến năm 2010 nhằm bảo vệ, bảo tồn và quản lý một nhóm động vật biển (rùa biển) và nơi sinh sống của chúng.

##### Mục tiêu chiến lược

- Giảm thiểu những tác động đối với rùa biển tại Việt Nam từ đó thúc đẩy sự phục hồi của quần thể rùa biển trong tự nhiên.
- Hỗ trợ cho các cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế hiểu rõ hơn về những hoạt động bảo tồn rùa biển đang tiến hành tại Việt Nam, từ đó có thể tìm ra cách tham gia hiệu quả nhất.

##### Các mục tiêu cụ thể

1. Giảm thiểu các nguyên nhân gây tử vong cho rùa biển
2. Quản lý các bãi đẻ và nơi ấp trứng
3. Bảo vệ, quản lý và phục hồi nơi sinh cư của rùa biển
4. Nghiên cứu và giám sát
5. Nâng cao nhận thức cộng đồng và giáo dục
6. Tăng cường hợp tác trong nước, khu vực và quốc tế

### 2.2. Các lĩnh vực hoạt động ưu tiên

#### 2.2.1. Giảm thiểu các nguyên nhân gây tử vong cho rùa biển

**Yêu cầu:** Xác định những mối đe dọa và biện pháp giảm tỷ lệ tử vong của rùa biển dọc theo toàn bộ bờ biển Việt Nam cũng như các đảo xa bờ, nhưng vẫn đảm bảo cuộc sống của người dân địa phương không bị tác động lớn về kinh tế.

##### 2.2.1.1. Hiện trạng

Sự phá hủy và các mối đe dọa đối với rùa biển tại Việt Nam đã được nhiều tác giả nghiên cứu nhưng những vấn đề này chưa được chú trọng một cách thỏa đáng cả về mặt quản lý nhà nước cũng như

về mặt kinh tế xã hội của cộng đồng ngư dân. Tương tự như vậy, liên quan tới việc buôn bán các sản phẩm rùa biển, một số tác giả đã tiến hành các nghiên cứu chi tiết về sự tồn tại, phạm vi của việc buôn bán và ước tính số lượng sản phẩm được đem bán, nhưng chưa có nghiên cứu nào chú trọng đến việc ước tính số lượng và tỷ lệ chết của rùa biển bị bắt một cách ngẫu nhiên hoặc có chủ ý.

### **2.2.1.2. Các hành động khuyến nghị**

Kết quả khảo sát gần đây (từ 1998 đến 2002) cho thấy quần thể rùa biển ở Việt Nam đã bị tác động một cách rõ ràng trong vòng 20 đến 30 năm vừa qua bởi cả hai hoạt động: (1) khai thác trực tiếp làm thực phẩm hoặc các sản phẩm khác và (2) đánh bắt không chủ ý trong các công cụ đánh bắt hải sản.

Các hành động khuyến nghị dưới đây đề cập tới các cơ chế nhằm hạn chế tỷ lệ tử vong của rùa biển:

#### **Hành động khuyến nghị 1**

Xác định các nguyên nhân đe dọa đến quần thể rùa biển và nơi sinh sống của chúng.

##### **Lý do**

Không có hiểu biết đầy đủ về những nguyên nhân đe dọa tới quần thể rùa biển và nơi sinh sống của chúng.

##### **Các hành động cụ thể**

- 1) Hợp tác giữ a Bộ đội biên phòng và Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản, cùng các cơ quan nghiên cứu (Viện Hải Dương học, Viện nghiên cứu Hải sản) tiến hành các điều tra cơ bản về phân bố, số lượng và các nguyên nhân đe dọa đối với các quần thể rùa biển và môi trường sống của chúng khu vực các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.
- 2) Mở rộng nghiên cứu cơ bản ở các tỉnh Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Phú Yên và Bình Thuận để thu thập các thông tin chi tiết hơn về những nguyên nhân đe dọa tới bãi đẻ của rùa biển ở những khu vực này.

#### **Hành động khuyến nghị 2**

Phát triển các chương trình quản lý khả thi dựa trên văn hóa, xã hội và kinh tế để bảo vệ các quần thể rùa biển và nơi sinh sống của chúng.

##### **Lý do**

Thiếu sự phối hợp và tiếp cận đồng bộ trong việc bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng.

##### **Các hành động cụ thể**

- 3) Xác định nguồn kinh phí để duy trì sự hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển.
- 4) Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển cần tổ chức một diễn đàn chung như các cuộc họp hàng năm nhằm trao đổi kiến thức và kinh nghiệm giữa các bên có liên quan.
- 5) Tiếp tục tổ chức các cuộc hội thảo, các nghiên cứu hiện trường, các chương trình trao đổi nâng cao năng lực cho các chuyên gia trong nước giữa các cơ quan nghiên cứu và các cơ quan quản lý.
- 6) Thông qua việc trao đổi thông tin, xác định các bài học kinh nghiệm nhằm bảo tồn và quản lý các quần thể rùa biển ở Việt Nam.
- 7) Hàng năm, Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển cần thiết lập/cập nhật một danh sách các khu vực ưu tiên và kế hoạch công việc để thực hiện các hoạt động ưu tiên của KHHĐ Bảo tồn Rùa biển.

### **Hành động khuyến nghị 3**

Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội của các cộng đồng/đơn vị kinh tế gây đe dọa nhiều nhất đối với quần thể rùa biển.

#### **Lý do**

Việc đánh bắt rùa biển một cách có chủ ý hay không chủ ý ít nhiều mang lại giá trị kinh tế cho ngư dân.

#### **Các hành động cụ thể**

- 8) Tiến hành các nghiên cứu về kinh tế - xã hội trong cộng đồng ngư dân và những người tham gia buôn bán các sản phẩm rùa biển tại các địa điểm tập trung đánh bắt và buôn bán rùa biển nhằm xác định mức độ phụ thuộc kinh tế của họ vào các sản phẩm có nguồn gốc từ rùa biển.
- 9) Tìm kiếm các giải pháp và nguồn thu nhập thêm ổn định cho người dân chuyên đánh bắt và buôn bán rùa và các sản phẩm từ rùa.

### **Hành động khuyến nghị 4**

Giảm thiểu các hoạt động đánh bắt có liên quan tới nguyên nhân gây ra tỷ lệ tử vong của rùa biển ở Việt Nam.

#### **Lý do**

Chưa kiểm soát được việc đánh bắt không chủ ý rùa biển ở Việt Nam.

#### **Các hành động cụ thể**

- 10) Tiếp tục thu thập các thông tin cơ bản mang tính định lượng về tỷ lệ rùa biển bị đánh bắt không chủ ý. Số liệu sẽ được thu thập trong vòng 7 năm, bắt đầu từ năm 2003.
- 11) Bước đầu thử nghiệm và phát triển các Thiết bị thoát rùa (TED) ở Việt Nam: tiến hành các nghiên cứu thí điểm tại một số khu vực quan trọng trong 2 năm đầu, sau đó mở rộng thêm một số khu vực khác trong 5 năm tiếp theo. Các điểm ưu tiên là Côn Đảo, Đà Nẵng (khu vực Sơn Trà), Phú Quốc, Phú Quý, Phú Yên, Bình Định, Lý Sơn, Quảng Ninh.
- 12) Điều tra thu thập thông tin về số lượng lưới rê bị mất hàng năm, từ đó nắm bắt được nguy cơ gây hại đối với rùa biển, đồng thời đề xuất những biện pháp giảm thiểu nguy cơ này.
- 13) Thử nghiệm các phương thức quản lý khác như cấm khai thác trong khu vực có rùa biển và mùa vụ, giảm thời gian đánh bắt hoặc cấm nghiêm ngặt việc sử dụng một số công cụ đánh bắt (đặc biệt là cáu kiều, các loại lưới đánh cá mập, cá đuối).
- 14) Xây dựng các chương trình tập huấn để xúc tiến việc thực thi các chương trình theo dõi phương tiện đánh bắt và tiến hành các chương trình kiểm tra, giám sát.
- 15) Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển cần liên lạc với các nhà chức trách quản lý khai thác thủy hải sản, tiếp tục thực hiện những điều kiện cần thiết cho những biện pháp này.

### **Hành động khuyến nghị 5**

Tăng cường hiệu lực và chế tài xử phạt việc buôn bán, sử dụng rùa biển và các sản phẩm làm từ chúng trong Nghị định số 48/CP, thuộc nhóm động vật cần bảo vệ số I và II.

#### **Lý do**

Khó kiểm soát việc khai thác có chủ ý rùa biển và trứng rùa ở Việt Nam.

#### **Các hành động cụ thể**

- 16) Mở rộng chương trình nâng cao nhận thức đã được bắt đầu từ năm 2003, tập trung vào ngư dân, người thi hành luật về khai thác thủy sản, hải quan, biên phòng và công an nhằm nâng cao hiểu biết về luật pháp hiện hành và các vấn đề buôn bán trái phép và chương trình này được tiếp tục trong nhiều năm.
- 17) Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức tập trung vào các nhà buôn/các nhà quản lý về việc trao đổi bất hợp pháp các sản phẩm làm từ rùa biển nhằm nâng cao hiểu biết về luật pháp hiện hành và các vấn đề buôn bán trái phép.
- 18) Tịch thu và hủy tất cả các sản phẩm làm từ rùa biển lưu giữ trong các cửa hàng, nhà kho theo luật định.
- 19) Xác định rõ các giá trị về văn hóa, truyền thống và giá trị kinh tế của rùa biển đối với ngư dân (giá trị vật thể và phi vật thể).

### 2.2.2. Quản lý bãi đẻ và nơi ấp trứng

**Yêu cầu:** Tăng cường số lượng các loài rùa biển đẻ trứng tại các vùng bờ biển của Việt Nam, đảm bảo an toàn rùa mẹ và nâng cao tỷ lệ ấp nở trứng tại các bãi đẻ đã được xác định.

#### 2.2.2.1. Hiện trạng

Việc ấp trứng là vấn đề sống còn cho sự thành công của công tác bảo tồn rùa biển bởi qua hoạt động đó, trứng rùa sẽ được quản lý và thoát khỏi sự khai thác của con người, đi chôn vùi và sự ngập nước do thủy triều. Công việc được thực hiện hiện nay là thu gom trứng từ ổ của con cái ngay sau khi nó kết thúc việc đẻ trứng, sau đó vùi trứng xuống các ổ chứa trứng nhân tạo. Nhân viên Vườn Quốc gia Côn Đảo hiện nay đã chuyển dịch gần 50% ổ trứng rùa rải rác tới nơi ấp trứng nằm ở cùng bãi đẻ đó.

Đối với các bãi ấp trứng không được quản lý và trong điều kiện hoang dã, cơ hội sống sót của rùa con bị tác động và giảm sút do việc thay đổi mật độ ổ rùa, nhiệt độ ấp và chức năng sinh lý của quá trình trao đổi khí. Mặt khác, các kỹ thuật di dời trứng, việc lựa chọn nơi ương ấp và các phương pháp thả con non nếu làm sai có thể ảnh hưởng xấu tới sự thành công của công tác bảo tồn. Ngược lại, nếu được quản lý tốt thì việc bảo vệ nơi ấp trứng có thể là công cụ quản lý rất hữu hiệu, đặc biệt tại những khu vực mà việc di dời trứng không được thực hiện, trứng bị thu nhặt bởi những người dân địa phương, bị đi chôn vùi ăn thịt và ngập nước do ảnh hưởng của thủy triều.

Nơi ấp trứng có sự quản lý khoa học có thể đóng vai trò như là các Trung tâm cho các chương trình giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức. Tại một số nơi ở Việt Nam như Vườn Quốc gia Núi Chúa hay Vườn Quốc gia Côn Đảo, những địa điểm ấp trứng là trung tâm nhỏ cho các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức với mục đích là giáo dục học sinh và công chúng về việc bảo tồn rùa biển.

Do các ảnh hưởng khác nhau mà môi trường ương nuôi có thể tác động tới tỷ lệ giới tính, chất lượng rùa con (tình trạng cơ thể và sức khỏe) và số lượng rùa con, nên các địa điểm ấp trứng chỉ là lựa chọn thứ hai so với việc di dời tại chỗ các ổ trứng. Tuy vậy khi có yêu cầu cần phải thiết lập một khu ấp trứng, vì các nguyên nhân như khu vực đó thường bị con người thu nhặt trứng, bị các loài khác ăn, hoặc bị ngập nước..., thì các chỉ dẫn về quản lý khu ương nuôi cần được soạn thảo nhằm thu được hiệu quả cao, cũng như cho phép theo dõi và thay đổi các kỹ thuật ấp trứng nếu thấy cần thiết để giảm thiểu các tác động không tốt tới quần thể rùa biển.

### 2.2.2.2. Các hành động khuyến nghị

#### Hành động khuyến nghị 1

Xây dựng các chương trình nh bảo vệ và cứu hộ trứng rùa tại các bãi đẻ nhằm tối ưu hóa quá trình ấp, nở trứng.

##### Lý do

Chưa có hiểu biết đầy đủ về nơi đẻ trứng và tỷ lệ nở tự nhiên của trứng rùa biển.

##### Các hành động cụ thể

- 20) Nghiên cứu các biện pháp quản lý các bãi đẻ (liên quan tới độ chiếu sáng, việc sử dụng các đụn cát, các chất thải, phát triển nuôi trồng thủy sản trên cát và các vật liệu sử dụng) và khoanh vùng cần bảo vệ nhằm đảm bảo cho rùa biển lên đẻ thuận lợi và các ổ trứng được bảo vệ an toàn.
- 21) Tiến hành các hoạt động nghiên cứu về sự phân bố các bãi đẻ, mùa vụ sinh sản của rùa biển tại một số bãi biển, đặc biệt ở Côn Đảo, Ninh Thuận và Đà Nẵng.
- 22) Tiếp tục các điều tra cơ bản hàng năm để thu thập thông tin về sự phân bố các bãi đẻ của rùa biển, đặc biệt các bãi nằm ở ngoài các đảo xa bờ. Các khu vực ưu tiên là: Đà Nẵng (bán đảo Sơn Trà), Bạch Long Vỹ, Phú Quý, quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, Phú Yên (Bãi Tiên và Bãi Xếp) và Khánh Hòa (Bãi Dài và Bãi Cà y Bàng).
- 23) Đánh giá tác động của việc khai thác rùa đẻ và trứng của chúng trong các quần thể rùa biển tại Côn Đảo, Thổ Chu, Ninh Thuận, Sơn Trà và Quan Lạn.
- 24) Phân tích các số liệu đã có để đánh giá mức độ thành công của các chương trình nh bảo vệ và cứu hộ trứng rùa tại các bãi đẻ hiện nay liên quan tới quá trình ấp nở.
- 25) Sử dụng các số liệu đã có để quản lý trực tiếp trong việc giảm thiểu tỷ lệ chết của phôi trứng và con non, tốt hơn cả là sử dụng các phương pháp kiểm tra tại chỗ.
- 26) Khảo sát, nâng cấp khả năng sử dụng của các khu ương ấp để bảo vệ để tối ưu hóa quá trình ấp nở.

#### Hành động khuyến nghị 2

Thiết lập và hướng dẫn thực hiện quản lý nơi ấp trứng dựa trên cơ sở đã có các nghiên cứu khoa học.

##### Lý do

Thiết lập các hướng dẫn cụ thể về việc quản lý nơi ấp trứng có đủ tiêu chuẩn, có tính khoa học, dễ thừa nhận và có tính khả thi.

##### Các hành động cụ thể

- 27) Thiết lập khu bảo vệ và cứu hộ rùa tại Quảng Ninh (đảo Quan Lạn và Minh Châu), Đà Nẵng (Sơn Trà) và những khu vực có nhiều rùa biển lên đẻ khác nhằm tạo, giáo dục cộng đồng và nâng cao sự hiểu biết về sự phân bố, sinh sản, số lượng và các mối đe dọa đến rùa biển.
- 28) Trong thời gian sớm nhất cần soạn thảo và phổ biến một số hướng dẫn về quản lý ấp trứng có tính khoa học cao, có giá trị và đủ tiêu chuẩn theo các tiêu chí đề ra trong hướng dẫn của Nhóm Chuyên gia Rùa biển của IUCN và các nghiên cứu hiện đại khác.

### **Hành động khuyến nghị 3**

Bố trí, sắp xếp phoph lý có hiệu quả của các cơ quan trong việc kiểm tra định kỳ và các quy định cho hoạt động ấp trứng

#### **Lý do**

Các quy định và việc kiểm tra các hoạt động ấp trứng không đầy đủ.

#### **Các hành động cụ thể**

29) Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển tham khảo ý kiến của Nhóm Chuyên gia về Rùa biển của IUCN về việc xây dựng, kiểm tra và quản lý các bãi đẻ để đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật.

30) Các nhà viên đã được đào tạo của Vườn Quốc gia Côn Đảo tham gia vào các chuyên khảo sát thực địa và khảo sát các bãi đẻ, khu vực quản lý rùa biển.

### **Hành động khuyến nghị 4**

Tổ chức và tiến hành các khóa tập huấn nâng cao kỹ thuật và năng lực cho các cán bộ tham gia bảo tồn và quản lý nơi ấp trứng.

#### **Lý do**

Các kỹ năng và nghiệp vụ về công tác quản lý quá trình ấp trứng một cách hệ thống chưa đầy đủ.

#### **Các hành động cụ thể**

31) Tổ chức và cử người tham gia các khóa tập huấn để nâng cao nhận thức cho các cán bộ, nhà viên bảo tồn rùa biển về vòng đời và công tác bảo tồn liên quan tới ấp trứng và đơn giản hóa việc thực hiện các kỹ năng quản lý việc ấp trứng.

#### **2.2.2.3. Thực thi, kiểm tra và đánh giá**

##### **Các cơ quan thực hiện**

###### **Cơ quan nhà nước**

Bộ Thủy sản kết hợp cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các địa phương có thẩm quyền trong việc quản lý nơi ấp trứng và có quyền điều chỉnh các hoạt động liên quan. Các cơ quan nghiên cứu như Viện Nghiên cứu Hải sản, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, và Viện Hải dương học tại Nha Trang tham gia nghiên cứu chuyên sâu.

###### **Các Tổ chức Quốc tế, Phi chính phủ**

Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ có thể hỗ trợ đáng kể trong hợp tác kỹ thuật cho các hoạt động này.

##### **Kiểm tra và đánh giá**

Theo dõi và kiểm tra các khu ương nuôi là trách nhiệm của cán bộ quản lý do Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển chỉ định. Quá trình tiến hành sẽ được kiểm tra thông qua việc xem xét các báo cáo hàng năm của ban quản lý nơi ấp trứng. Các chỉ số để đánh giá có thể bao gồm các so sánh về nhiệt độ của ổ, mức độ thành công tỷ lệ nở, thời gian ấp và số lượng rùa con.

#### **2.2.3. Bảo vệ, quản lý và phục hồi nơi sinh sống của rùa biển**

**Yêu cầu:** Bảo vệ các loài rùa biển và nơi sinh sống của chúng tốt hơn, trong khi đó vẫn đảm bảo cho cộng đồng địa phương không bị tác động bất lợi về kinh tế do các hoạt động bảo vệ sự sống còn của quần thể rùa biển ở Việt Nam.

### 2.2.3.1. Hiện trạng

Đã có dữ liệu mang tính định lượng về sự phân bố của các khu vực đẻ trứng của rùa biển, mặc dù những số liệu đó còn hạn chế. Trái lại có rất ít thông tin về sự phân bố và số lượng của các quần thể rùa biển kiếm ăn ở vùng biển Việt Nam. Tuy nhiên, thông tin chúng ta biết được là dựa vào việc phỏng vấn các ngư dân và cán bộ địa phương, dựa trên tỷ lệ đánh bắt ngẫu nhiên và bị giới hạn bởi trí nhớ của người trả lời câu hỏi. Điều này có thể bị sai số về không gian, thời gian tiếp cận với các loài cụ thể, các kích cỡ hoặc độ trưởng thành của rùa biển.

### 2.2.3.2. Các hành động khuyến nghị

#### Hành động khuyến nghị 1

Xác định các nơi sinh sống chính của rùa biển

##### Lý do

Thiếu hiểu biết cần thiết về các nơi sinh sống của rùa biển Việt Nam.

##### Các hành động cụ thể

- 32) Tổ chức các lớp tập huấn và hợp tác với lực lượng biên phòng tại các đảo xa tham gia vào việc thu thập số liệu về sự phân bố, số lượng và các đe dọa đối với rùa biển.
- 33) Xác định các nơi sinh sống then chốt ở gần bờ và xa bờ như các hành lang di cư nơi rùa biển đẻ trứng, các khu vực kết đôi và bãi kiếm ăn.

#### Hành động khuyến nghị 2

Nghiên cứu và xây dựng cơ sở khoa học cần thiết để bảo vệ và thiết lập các khu bảo tồn nơi sinh sống của rùa biển.

##### Lý do

Thiếu các biện pháp bảo vệ phù hợp các nơi sinh sống then chốt của rùa biển ở Việt Nam.

##### Các hành động cụ thể

- 34) Chọn lựa và quản lý các khu bảo tồn, các vùng cấm tạm thời, các vùng cấm nghiêm ngặt để loại trừ các đe dọa và giữ gìn các nơi sinh sống chính cho rùa biển.
- 35) Tiếp tục hỗ trợ các đề xuất thiết lập các khu bảo tồn biển tại Cát Bà, Bạch Long Vỹ (Hải Phòng), Phú Quốc (Kiên Giang), Cô Tô (Quảng Ninh), mức độ bảo vệ Quốc gia hoặc cao trong một vài trường hợp ở mức độ toàn cầu về đa dạng sinh học biển.
- 36) Khuyến khích việc bảo vệ thích hợp các nơi sinh sống chính nằm bên ngoài các khu bảo tồn.
- 37) Tiến hành đánh giá tác động môi trường của việc phát triển vùng bờ và các hoạt động đã tồn tại hoặc sẽ xuất hiện của con người có thể tác động đến các quần thể rùa biển và nơi sinh cư của chúng. Ví dụ khai thác cát tại Quan Lạn (Quảng Ninh) và hoạt động du lịch tại Sơn Trà (Đà Nẵng).
- 38) Theo dõi và giám sát các chất gây ô nhiễm từ tàu thuyền và ô nhiễm như dầu, nhựa, và các loại chất thải khác tại những nơi cần thiết.
- 39) Tiến hành đánh giá hiệu quả và tăng cường các chế tài của các điều luật và quy định hiện hành trong việc cấm sử dụng các phương pháp đánh bắt mang tính hủy diệt (chất nổ, chất độc).
- 40) Tiếp tục các hoạt động quan trắc hiện trạng rạn san hô và thảm cỏ biển ở Việt Nam.

### **Hành động khuyến nghị 3**

Phục hồi các nơi sinh sống đã bị suy thoái của rùa biển

#### **Lý do**

Thiết lập các biện pháp phục hồi phù hợp các sinh cảnh biển đã bị suy thoái.

#### **Các hành động cụ thể**

- 41) Xây dựng và tiến hành các dự án làm sạch bãi biển nhằm loại bỏ rác thải làm cản trở rùa lên bãi đẻ và rùa con mới nở.
- 42) Tăng cường việc phục hồi các rạn san hô, rừng ngập mặn và thảm cỏ biển bị phá hoại bằng cách hỗ trợ cho các nghiên cứu phát triển các kỹ thuật nuôi trồng và phục hồi các thảm cỏ biển và rạn san hô tại vùng biển Việt Nam.
- 43) Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý khai thác hải sản.
- 44) Nghiên cứu các loại ngư cụ, phương pháp khai thác hải sản nhằm hạn chế khả năng hủy hoại nơi sinh sống và kiếm ăn của rùa biển.

#### **2.2.3.4. Thực thi, kiểm tra và đánh giá**

##### **Các cơ quan thực hiện**

Các cơ quan nhà nước và phi chính phủ: cả hai loại hình này có nguồn nhân lực phù hợp để triển khai các nghiên cứu chi tiết hơn về sự phân bố bãi đẻ của rùa biển ở Việt Nam. Bộ Thủy sản (Sở Thủy sản, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản các tỉnh), Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Cục Bảo vệ Môi trường, các cơ quan nghiên cứu như Viện nghiên cứu Hải sản, Viện Hải dương học tại Nha Trang, Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng và các tổ chức quốc tế IUCN, WWF, TRAFFIC, IMA, FFI, UNESCO liên quan đến các khảo sát, các chương trình quan trắc thảm cỏ biển, rạn san hô và rừng ngập mặn và bảo tồn biển.

##### **Kiểm tra và đánh giá**

Những công việc này sẽ được Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển giám sát. Sự tiến triển sẽ được theo dõi thông qua các báo cáo hàng năm bao gồm: các báo cáo chi tiết cụ thể của tất cả các hoạt động nghiên cứu khoa học và báo cáo đánh giá sự tham gia của cộng đồng trong mỗi dự án bảo tồn đã thực hiện. Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển hoặc người do Ban chỉ đạo chỉ định sẽ tiến hành các đánh giá định kỳ của tất cả các hoạt động của dự án. Một cơ chế kiểm tra cũng sẽ được tiến hành để đánh giá các lợi ích, các nỗ lực tham gia và công tác bảo tồn rùa biển. Cần chú ý rằng nhóm hành động này phải phối hợp thực hiện với các chương trình bảo vệ môi trường khác.

#### **2.2.4. Nghiên cứu và Giám sát**

**Yêu cầu:** Tăng cường sự hiểu biết về sinh học, sinh thái học và các quần thể rùa biển thông qua giám sát và trao đổi thông tin.

##### **2.2.4.1. Hiện trạng**

Ngoại trừ một vài nghiên cứu về bãi đẻ tại Vườn Quốc gia Côn Đảo, phần lớn các nghiên cứu và kiểm tra tại Việt Nam là những nghiên cứu cơ bản nhằm xác định sự phân bố, số lượng và những đe dọa đối với rùa biển, các rạn san hô và thảm cỏ biển. Đến nay, những nỗ lực này đã được thực hiện với định hướng cụ thể cho việc quản lý và các hoạt động kiểm tra, giám sát đã tăng lên cả về không gian và thời gian.

#### 2.2.4.2. Các hành động khuyến nghị

##### Hành động khuyến nghị 1

Tiến hành nghiên cứu rùa biển và các nơi sinh sống của chúng với mục tiêu bảo tồn và quản lý.

##### Lý do

Thiếu những thông tin cơ bản về sinh học, sinh thái học của rùa biển, số lượng của chúng trước đây và hiện nay.

##### Các hành động cụ thể

- 45) Tiếp tục các chương trình theo dõi dài hạn (đeo thẻ) rùa lên đẻ trứng tại Côn Đảo nhằm đánh giá hiện trạng bảo tồn của quần thể rùa sinh sản tại đó.
- 46) Thiết lập một trung tâm lưu trữ thông tin cho phép bảo vệ lâu dài các số liệu tại Côn Đảo.
- 47) Sử dụng kết hợp các phương pháp đeo thẻ đánh dấu, nghiên cứu di truyền và theo dõi bằng các thiết bị vệ tinh để xác định đường di cư và điểm đẻ của rùa biển.
- 48) Tiến hành nghiên cứu di truyền nhằm xác định các đơn vị quản lý rùa biển sinh sản tại Việt Nam.
- 49) Sử dụng các thông tin tích hợp từ cơ sở dữ liệu và phổ biến cho các địa phương, quốc gia và khu vực tiến hành các hoạt động bảo tồn.

##### Hành động khuyến nghị 2

Phân tích số liệu nhằm hỗ trợ cho việc giảm thiểu các đe dọa, đánh giá và nâng cấp hiện trạng bảo tồn rùa biển.

##### Lý do

Không đủ số liệu để đánh giá và nâng cấp hiện trạng bảo tồn rùa biển.

##### Các hành động cụ thể

- 50) Tiếp tục thu thập số liệu rùa biển lên đẻ và kiếm ăn tại Côn Đảo, Ninh Thuận, Thổ Chu và một số địa điểm ưu tiên khác để phân tích xu thế sinh sản của quần thể rùa biển.
- 51) Sử dụng các kết quả nghiên cứu nhằm tiếp tục đánh giá, và nếu cần thì điều chỉnh công tác quản lý như chương trình đeo thẻ đánh dấu hay quản lý bãi đẻ.

##### Hành động khuyến nghị 3

Thành lập một Tiểu ban thư ký thuộc Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển có trách nhiệm thu thập số liệu viết báo cáo và chia sẻ thông tin cho các bên liên quan.

##### Lý do

Thiếu sự hợp tác và trao đổi thông tin.

##### Các hành động cụ thể

- 52) Theo hướng dẫn của Nhóm chuyên gia rùa biển của IUCN, chuẩn hóa phương pháp và xác định nội dung chính xác của các số liệu thu thập được.
- 53) Xác định các phương pháp/phương tiện thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền thông tin.
- 54) Xây dựng mạng lưới quan trắc rùa biển tại các tỉnh ven biển nhằm thu thập, trao đổi và cung cấp thông tin về rùa biển trên toàn quốc và khu vực được tốt hơn.

#### **Hành động khuyến nghị 4**

Cần sự tài trợ của chính phủ, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ và các tổ chức khác và thông qua các hoạt động du lịch tại các địa phương, tăng cường nguồn thu để tái đầu tư cho công tác bảo tồn rùa biển.

##### **Lý do**

Không đủ kinh phí để tiến hành các chương trình bảo tồn và giám sát một cách hiệu quả và lâu dài.

##### **Các hành động cụ thể**

- 55) Nâng cao năng lực của Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển, chuẩn bị các đề xuất và dự tính các hoạt động có hiệu quả để nhận nguồn ngân sách hỗ trợ
- 56) Xác định nguồn ngân sách của Chính phủ, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ và các tổ chức khác hỗ trợ cho các dự án bảo tồn rùa biển.
- 57) Đẩy mạnh các chương trình tìm nguồn kinh phí trong các chiến dịch vận động ở cấp địa phương và quốc gia và thông qua các dự án thương mại như bán áo phông, áp phích và các đồ thủ công...
- 58) Thiết lập và thúc đẩy các dịch vụ du lịch sinh thái như quan sát rùa đẻ tại các bãi đẻ (Côn Đảo, Ninh Thuận, Đà Nẵng...). nhằm thu kinh phí phục vụ cho công tác bảo tồn rùa biển tại các địa phương.

#### **2.2.4.3. Thực thi, kiểm tra và đánh giá**

##### **Các cơ quan thực hiện**

##### **Các cơ quan nhà nước**

Vườn quốc gia Côn Đảo đã tiến hành quản lý và nghiên cứu các bãi đẻ của rùa biển tại Côn Đảo từ năm 1995. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành quản lý các bãi đẻ tại Vườn Quốc gia Núi Chúa từ năm 2001. Viện Nghiên cứu Hải sản, Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng và Viện Hải dương học tại Nha Trang có nhiều chuyên gia và năng lực để giúp đỡ và hướng dẫn cho các chương trình nghiên cứu và quản lý. Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản, lực lượng Biên phòng, Cục kiểm lâm, Hải quan và Công an có thể đóng vai trò tích cực trong nỗ lực bảo tồn rùa biển bằng cách tăng cường sự có mặt của họ tại những khu vực xuất hiện các hành động phá hoại.

##### **Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ**

Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ có vai trò đáng kể đóng góp nhiều nỗ lực quan trọng trong chương trình bảo tồn rùa biển hiện đang tiến hành tại Việt Nam. Khả năng và tiềm năng của các tổ chức này tham gia giúp đỡ cho các chương trình quản lý nâng cao nhận thức, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính là rất cần thiết,

##### **Kiểm tra và đánh giá**

Những công việc này sẽ được Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển giám sát. Quá trình thực hiện sẽ được theo dõi thông qua các báo cáo hàng năm bao gồm: các báo cáo chi tiết cụ thể của tất cả các hoạt động nghiên cứu khoa học và báo cáo đánh giá sự tham gia của cộng đồng trong mỗi dự án bảo tồn đã thực hiện. Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển hoặc người do Ban chỉ đạo chỉ định sẽ tiến hành các đánh giá định kỳ của tất cả các hoạt động của dự án. Một cơ chế kiểm tra cũng sẽ được tiến hành để đánh giá các lợi ích, các nỗ lực tham gia và công tác bảo tồn rùa biển.

#### **2.2.5. Nâng cao nhận thức cộng đồng và giáo dục**

**Yêu cầu:** Tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng về những mối đe dọa đối với rùa biển và nơi sinh sống của chúng, đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động bảo tồn tại địa phương.

#### 2.2.5.1. Hiện trạng

Trước năm 1995, có rất ít nghiên cứu về rùa biển tại Việt Nam, do đó nhận thức chung của chính quyền, cộng đồng, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ và những tổ chức khác có liên quan về những vấn đề bảo tồn rùa biển còn rất hạn chế. Nhưng bắt đầu từ năm 1995, Vườn Quốc gia Côn Đảo đã tiến hành dự án quản lý rùa mẹ lên để bằng cách bắt-đánh dấu – thả lại biển và đánh giá cao một cách đáng kể nhận thức của người dân địa phương. Cùng mục tiêu này, năm 2001, Bộ Thủy sản cùng với các tổ chức quốc tế, phi chính phủ tiến hành nhiều hoạt động dự án nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển cho các bên liên quan.

#### 2.2.5.2. Các hành động khuyến nghị

##### Hành động khuyến nghị 1

Tăng cường nhận thức về giá trị quan trọng của rùa biển và nơi sinh sống của chúng trong cộng đồng địa phương, các nhà lập pháp, các cơ quan thực thi pháp luật và khách du lịch.

##### Lý do

Thiếu sự quan tâm và ý thức về vấn đề bảo tồn rùa biển.

##### Các hành động cụ thể

- 59) Xã y dựng chương trình nâng cao nhận thức toàn diện cho các nhóm trọng điểm như cộng đồng dân cư sống ven biển, học sinh, các khách sạn, người điểu hành du lịch, thương gia địa phương và các cơ quan nhà nước... về các mối đe dọa, sự cần thiết phải bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng.
- 60) Tiếp tục biên soạn tài liệu giáo dục về bảo tồn rùa biển và khuyến khích sử dụng những tài liệu này trong các trường học. Xã y dựng các tư liệu khoa học về rùa biển phục vụ cho công tác tuyên truyền như các cuốn phim tài liệu khoa học, áp phích, tập ảnh về sinh học, sinh thái học rùa biển và môi trường sống của chúng.
- 61) Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và người dân tại các bãi đẻ và nơi sinh sống của rùa biển tham gia vào chương trình để có thể đánh dấu, thả rùa bị đánh bắt không chủ ý và cung cấp thông tin ghi trên thẻ của những con rùa họ đã đánh bắt được (nếu có).

#### 2.2.5.3. Thực thi, kiểm tra và đánh giá

##### Các cơ quan thực hiện

##### Cơ quan nhà nước

Vườn Quốc gia Côn Đảo đã nghiên cứu quản lý các bãi đẻ tại Côn Đảo từ năm 1995 và có nỗ lực đáng kể trong việc nâng cao nhận thức. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Ninh Thuận đã quản lý các nghiên cứu bãi đẻ tại Vườn Quốc gia Núi Chúa từ năm 2001 và có những kết quả quan trọng trong việc nâng cao nhận thức bảo tồn rùa biển tại địa phương này. Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Kiên Giang đã thiết lập chiến dịch nâng cao nhận thức tại tỉnh Kiên Giang, bao gồm Hà Tiên, Phú Quốc và Thổ Chu. Các cơ quan nghiên cứu như Viện Nghiên cứu Hải sản, Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng và Viện Hải dương học tại Nha Trang trong 5 năm trở lại đây đã có nhiều cố gắng nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường biển. Bộ Thủy sản, Cục Kiểm lâm, Hải quan và Lực lượng biên phòng đóng vai trò quan trọng trong các nỗ lực

bảo tồn bằng cách tăng cường sự có mặt của họ tại các khu vực có những hoạt động xâm hại xảy ra.

#### *Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ*

Các chương trình hoạt động của các tổ chức quốc tế, phi chính phủ là nguồn hỗ trợ quan trọng trong nỗ lực bảo tồn rùa biển. Khả năng và tiềm năng của các tổ chức quốc tế, phi chính phủ trợ giúp các chương trình nâng cao nhận thức và hỗ trợ kỹ thuật cho các hoạt động bảo tồn là rất đáng kể.

#### *Kiểm tra và đánh giá*

Những công việc này sẽ được Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển giám sát. Quá trình thực hiện sẽ được theo dõi thông qua các báo cáo hàng năm bao gồm: các báo cáo chi tiết cụ thể của tất cả các hoạt động nghiên cứu khoa học và báo cáo đánh giá sự tham cộng đồng của mỗi dự án bảo tồn đã thực hiện. Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển hoặc người do Ban chỉ đạo chỉ định sẽ tiến hành các đánh giá định kỳ của tất cả các hoạt động của dự án. Một cơ chế kiểm tra cũng sẽ được tiến hành để đánh giá các lợi ích, các nỗ lực tham gia và công tác bảo tồn rùa biển.

### **2.2.6. Hợp tác khu vực và quốc tế**

**Yêu cầu:** Tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn rùa biển nhằm hỗ trợ năng lực thực hiện các cam kết khu vực và quốc tế.

#### **2.2.6.1 Hiện trạng**

Rùa biển là loài di cư khoảng cách giữa nơi kiếm ăn và nơi đẻ trứng có thể lên đến hàng ngàn kilômét. Do đó các chương trình bảo vệ và quản lý phải dựa vào nhiều vùng, khu vực, các cơ quan chính phủ của nhiều nước khác nhau. Hơn thế nữa, những tiến bộ của kỹ thuật nghiên cứu di truyền phân tử cùng với các chương trình đánh dấu/bắt lại đã xác định rằng thông thường khu vực kiếm ăn có thể có rùa biển từ nhiều quần thể sinh sản khác nhau. Do đó, rất có khả năng là rùa biển kiếm ăn tại vùng biển Việt Nam di cư đến các nước lân cận để sinh sản.

#### **Những hành động cụ thể của khu vực nhằm bảo tồn rùa biển**

##### ***Biên bản Thỏa thuận Ấn Độ Dương-Đông Nam Á (IOSEA - MoU)***

Việt Nam đã ký và có Biên Bản Thỏa thuận về Bảo tồn và Quản lý rùa biển và nơi sinh sống của chúng tại Ấn Độ Dương và Đông Nam Á vào tháng 7 năm 2001.

##### ***Biên bản Thỏa thuận Bảo tồn và Bảo vệ rùa biển tại Đông Nam Á (ASEAN MoU)***

Việt Nam đã trở thành thành viên của Bản thỏa thuận Bảo tồn và Bảo vệ rùa biển tại Đông Nam Á vào tháng 9 năm 1997.

##### ***CITES (Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp)***

Việt Nam đã trở thành thành viên của Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) vào tháng 4 năm 1994.

##### ***CBD (Công ước Đa dạng Sinh học)***

Việt Nam đã thông qua Công ước Đa dạng Sinh học (CBD) từ tháng 11 năm 1994.

##### ***Công ước CMS (Công ước Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư)***

Việt Nam đang có những bước tiến quan trọng trong việc tham gia vào Công ước CMS

### 2.2.6.2. Các hành động khuyến nghị

#### Hành động khuyến nghị 1

Hợp tác với các bên liên quan để thực hiện các Biên bản Thỏa thuận quốc tế đã được Việt Nam tham gia hoặc chưa tham gia để chống lại việc buôn bán bất hợp pháp rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển.

##### Lý do

Việc buôn bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm rùa biển trong nước và nước ngoài vẫn đang tồn tại.

##### Các hành động cụ thể

- 62) Khuyến khích các nước ASEAN còn chưa ký kết tham gia vào Biên bản Thỏa thuận IOSEA và Công ước CITES. Cùng với Chính phủ các nước khác trong khu vực thực hiện nghiêm túc các quy định của CITES.
- 63) Hỗ trợ các cơ quan thi hành pháp luật của Chính phủ thực thi các văn bản pháp luật về buôn bán các loài động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng đã được ký kết.
- 64) Tìm kiếm sự hợp tác với các nước Châu Á khác để tiến hành các hành động phòng ngừa, ngăn cấm và tiến tới loại bỏ việc buôn bán bất hợp pháp.

#### Hành động khuyến nghị 2

Nâng cao tầm quan trọng của việc hợp tác quốc tế và tổ chức các cuộc họp nhằm trao đổi thông tin giữa các quốc gia.

##### Lý do

Thiếu những thông tin về phân bố, số lượng và sinh học các quần thể rùa biển ở tiểu vùng (Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Biển Đông).

##### Các hành động cụ thể

- 65) Tăng cường các mối quan hệ giữa các Cơ quan có trách nhiệm của các nước thông qua việc tổ chức và tham gia các buổi hội thảo, hội nghị trong khu vực và quốc tế.
- 66) Thiết lập vùng bảo vệ liên quốc gia tại những khu vực như Quần đảo Trường Sa, vùng Bắc Bộ và vùng Thái Lan.
- 67) Tìm hiểu những thông tin về các hoạt động bảo tồn và quản lý rùa biển của các nước khác, học hỏi kinh nghiệm và áp dụng vào thực tiễn Việt Nam.
- 68) Tìm kiếm và khai thác các nguồn tài trợ quốc tế cho các dự án bảo tồn và quản lý rùa biển tại Việt Nam

#### Hành động khuyến nghị 3

Tăng cường và nâng cao hiệu lực của các văn bản pháp luật về bảo tồn, bảo vệ các loài rùa biển và nơi sinh sống của chúng.

##### Lý do

Các chính sách pháp luật liên quan đến bảo tồn và bảo vệ rùa biển tại Việt Nam còn thiếu và quá phức tạp.

##### Các hành động cụ thể

- 69) Xem xét lại các thể chế chính sách và văn bản pháp luật trong nước nhằm tìm ra những điểm thiếu sót hoặc không phù hợp cho việc bảo tồn rùa biển.
- 70) Hợp tác trong việc thi hành pháp luật, áp dụng các điều luật quốc tế cho phù hợp với thể chế và chính sách của Việt Nam.

### **2.2.6.3. Thực thi, kiểm tra và đánh giá**

#### **Các cơ quan thực hiện**

##### *Các cơ quan nhà nước*

Bộ Thủy sản có trách nhiệm hợp tác với các Bộ, ban ngành và các tổ chức quốc tế, phi chính phủ trong và ngoài nước có liên quan, tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn rùa biển.

##### *Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ*

Các tổ chức quốc tế, phi chính phủ đã và đang đóng một vai trò rất quan trọng trong các chương trình nghiên cứu và hỗ trợ cho các quan chức chính phủ tham gia các cuộc hội thảo, gặp gỡ và tập huấn trong nước và quốc tế về bảo tồn rùa biển.

#### **Kiểm tra và đánh giá**

Những công việc này sẽ được Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển giám sát. Quá trình thực hiện sẽ được theo dõi thông qua các báo cáo hàng năm bao gồm: các báo cáo chi tiết cụ thể của tất cả các hoạt động nghiên cứu khoa học và báo cáo đánh giá sự tham gia của cộng đồng trong mỗi dự án bảo tồn đã thực hiện. Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển hoặc người do Ban chỉ đạo chỉ định sẽ tiến hành các đánh giá định kỳ của tất cả các hoạt động của dự án. Một cơ chế kiểm tra cũng sẽ được tiến hành để đánh giá các lợi ích, các nỗ lực tham gia và o công tác bảo tồn rùa biển.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN LIÊN QUAN

Để công tác bảo tồn rùa biển hữu hiệu cần có sự tham gia của nhiều cơ quan, ban ngành, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ và vai trò trách nhiệm của từng bên phải được xác định rõ.

#### 3.1. Bộ Thủy sản

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các loài rùa biển Việt Nam
- Phối hợp cùng các bộ: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thương mại, Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc đề xuất phối hợp thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển.
- Chỉ đạo trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển.
- Phối hợp với các bộ ban ngành khác của Chính phủ hoàn thiện và tăng cường hiệu lực của các chính sách và luật pháp liên quan đến bảo tồn rùa biển tại Việt Nam.
- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ bảo tồn rùa biển tại Việt Nam. Ban này có trách nhiệm đề xuất phối hợp các hoạt động của KHHĐ Bảo tồn Rùa biển tại Việt Nam và đảm bảo các dự án trong tương lai phải đạt mục tiêu như trong bản KHHĐ Bảo tồn Rùa biển.

##### 3.1.1. Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản

- Tiến hành hoạt động giúp đỡ các dự án thu thập thông tin về hoạt động đánh bắt không chủ ý rùa biển tại vùng ven biển và ngoài khơi.
- Tiến hành hoạt động giúp đỡ các dự án nhằm giảm thiểu ô nhiễm trạng đánh bắt không chủ ý như nghiên cứu sử dụng Thiết bị thoát rùa (TED) hoặc nghiên cứu các phương pháp khác.
- Giúp đỡ các tổ chức quốc tế, phi chính phủ trong việc xây dựng các chiến dịch giáo dục và nâng cao nhận thức cho những người dân địa phương và các cán bộ nhà nước.
- Giúp đỡ tiếp tục phát triển, áp dụng các tài liệu giáo dục về rùa biển và môi trường sống của chúng đã được soạn thảo và vào trong chương trình giảng dạy ngoại khóa trong nhà trường.
- Xem xét lại và tăng cường các pháp lệnh cấm sử dụng các phương pháp khai thác thủy sản mang tính hủy diệt.
- Khuyến khích việc trao đổi với các cơ quan quản lý Thủy sản của các nước khác trong khu vực nhằm giúp cho các Bản thỏa thuận Quốc tế đạt được những kết quả cao trong việc bảo vệ rùa biển và nơi sinh sống của chúng.

##### 3.1.2. Viện Nghiên cứu Hải sản

- Cùng với các cơ quan khác thuộc Bộ Thủy sản tiến hành các nghiên cứu việc đánh bắt không chủ ý rùa biển và nghiên cứu sử dụng Thiết bị thoát rùa (TED) hoặc nghiên cứu các phương pháp khác.
- Chuẩn hóa tên gọi tiếng Việt của rùa biển
- Tiến hành hoạt động giúp đỡ việc tiến hành các nghiên cứu thí nghiệm với mục đích nâng cao hiểu biết về phân bố, mật độ và các đặc điểm đối với rùa biển tại Việt Nam, đặc biệt là các đảo xa bờ.
- Cùng với cơ quan nghiên cứu khác xác định các khu vực sinh sống của rùa biển và cùng xây dựng các dự án bảo vệ khu vực đó.
- Giúp đỡ các hoạt động nghiên cứu rùa biển như giám sát thiết bị theo dõi vệ tinh, nghiên cứu di truyền học và nghiên cứu khu vực kiếm ăn của rùa biển.

- Giúp đỡ các chiến dịch giáo dục và tuyên truyền đã được các tổ chức quốc tế, phi chính phủ xã hội dựng nhằm nâng cao nhận thức người dân và các cán bộ nhà nước.

### **3.2. Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia**

#### **3.2.1. Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng**

- Cùng với Viện nghiên cứu Hải sản và Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản giúp đỡ các dự án giảm thiểu độ ảnh hưởng không chủ ý nhưng nghiên cứu sử dụng Thiết bị thoát rùa hoặc nghiên cứu các phương pháp khác
- Tiếp tục tiến hành khảo sát kiểm tra các rạn san hô, các rừng ngập mặn và các thảm cỏ biển khu vực phía bắc từ Quảng Ninh đến Đà Nẵng, nhằm đánh giá hiện trạng bảo tồn của các hệ sinh thái đó.
- Cùng với các cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế, phi chính phủ xã hội dựng các dự án quản lý nơi sinh sống của rùa biển.

#### **3.2.2. Viện Hải dương học tại Nha Trang**

- Cùng với Viện nghiên cứu Hải sản và Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản giúp đỡ các dự án giảm thiểu độ ảnh hưởng không chủ ý nhưng nghiên cứu sử dụng Thiết bị thoát rùa hoặc nghiên cứu các phương pháp khác
- Tiếp tục tiến hành khảo sát kiểm tra các rạn san hô, các rừng ngập mặn và các thảm cỏ biển khu vực phía nam từ Quảng Nam đến Kiên Giang nhằm đánh giá hiện trạng bảo tồn của các hệ sinh thái đó.
- Cùng với các cơ quan nhà nước và các tổ chức quốc tế, phi chính phủ xã hội dựng các dự án quản lý nơi sinh sống của rùa biển.

### **3.3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**

#### **3.3.1. Cục Kiểm lâm**

- Phối hợp giám sát việc xem xét lại các chính sách, luật liên quan đến bảo vệ rừng biển và nâng cao hiệu lực của các văn bản pháp luật đó tại Việt Nam.
- Giúp đỡ các chiến dịch giáo dục tuyên truyền đã được các tổ chức Phi chính phủ xã hội dựng nhằm nâng cao nhận thức của người dân địa phương, các cán bộ nhà nước và các cán bộ thi hành pháp luật.
- Cùng với các cơ quan khác áp dụng các luật liên quan đến buôn bán trái phép các sản phẩm rừng biển và tịch thu, tiêu hủy các sản phẩm từ rừng biển.

#### **3.3.2. Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa**

- Thiết lập các bãi ấp trứng và hướng dẫn quản lý bãi đẻ của rùa biển.
- Thiết kế các khóa tập huấn hàng năm cho những người bảo vệ bãi biển về giá trị của rừng biển và việc bảo tồn nơi sinh sống của chúng.
- Đánh giá sự thành công của các chương trình quản lý bãi biển và ấp trứng, có thể thay đổi nếu cần thiết.
- Tiếp tục các dự án để rùa biển lên đẻ.
- Giúp đỡ và/hoặc tiến hành các hoạt động nghiên cứu về số lượng rùa nở, tỷ lệ giới tính, số lượng trứng, ổ trong một mùa sinh sản, khu vực di cư và cấu trúc di truyền.
- Khảo sát khả năng gây quỹ cho các hoạt động bảo tồn rừng biển tại Vườn Quốc gia trong tương lai

- Cung cấp báo cáo hàng năm về kết quả nghiên cứu rùa biển cho Ban chỉ đạo.

### **3.3.3. Vườn Quốc gia Bã Tử Long và Vườn Quốc gia Cá Bà**

- Thiết lập các bãi ấp trứng và hướng dẫn quản lý bãi đẻ của rùa biển.
- Thiết kế các khoá tập huấn hàng năm cho những người bảo vệ bãi biển về giá trị của rùa biển và việc bảo tồn nơi sinh sống của chúng.
- Xây dựng dự án để đưa rùa biển lên đẻ.
- Quản lý việc khai thác hải sản và đánh bắt không chú ý rùa biển tại khu vực.
- Giúp đỡ và/hoặc tiến hành các hoạt động nghiên cứu về số lượng rùa nở, tỷ lệ giới tính, số lượng trứng, ổ trong một mùa sinh sản, khu vực di cư và cấu trúc di truyền.
- Khảo sát khả năng gây quỹ cho các hoạt động bảo tồn rùa biển tại Vườn Quốc gia trong tương lai
- Cung cấp báo cáo hàng năm về kết quả nghiên cứu rùa biển cho Ban chỉ đạo.

## **3.4. Bộ Tài nguyên và Môi trường**

### **3.4.1. Cục Bảo vệ Môi trường**

- Giúp đỡ các cơ quan khác trong việc xem xét lại và tăng cường hiệu lực của chính sách pháp luật liên quan đến rùa biển và nơi sinh sống của chúng tại Việt Nam
- Giúp đỡ các chiến dịch giáo dục tuyên truyền để đưa các tổ chức Phi chính phủ xây dựng nhằm nâng cao nhận thức của người dân địa phương, các cán bộ nhà nước và các cán bộ thi hành pháp luật

### **3.4.2. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Ninh Thuận**

- Tiếp tục giúp đỡ cho dự án bảo vệ bãi đẻ rùa biển tại Vườn Quốc gia Núi Chúa
- Giúp đỡ việc nghiên cứu về số lượng rùa nở, tỷ lệ giới tính của con non, khu vực di cư và cấu trúc di truyền.
- Khảo sát khả năng gây quỹ cho các hoạt động bảo tồn rùa biển tại Vườn Quốc gia Núi Chúa trong tương lai.
- Cung cấp báo cáo hàng năm về kết quả nghiên cứu rùa biển cho Ban chỉ đạo

## **3.5. Bộ Quốc phòng**

### **3.5.1 Lực lượng Biên phòng biển**

- Đẩy mạnh việc thu thập thông tin về phá nố, mật độ, các đe dọa đối với rùa biển và nơi sinh sống chính của chúng tại các đảo xa
- Tập huấn hoặc sắp xếp tập huấn cho các nhân viên tại các đảo tiến hành các khảo sát rùa biển
- Đẩy mạnh việc hạn chế khai thác trứng và rùa biển lên đẻ thông qua các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức

## **3.6. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Giúp đỡ tiếp tục phát triển, áp dụng các tài liệu giáo dục về rùa biển và môi trường sống của chúng để đưa vào trong chương trình giảng dạy ngoại khoá trong trường
- Hỗ trợ đào tạo cán bộ chuyên ngành ở các bậc học khác nhau

### **3.7. Bộ Thương Mại**

#### **3.7.1. Cục quản lý thị trường**

- Kiểm soát quản lý các mặt hàng buôn bán trên thị trường có nguồn gốc từ rùa biển (trứng, thịt, sản phẩm mỹ nghệ, mẫu nhồi...).
- Nghiêm cấm buôn bán các sản phẩm từ rùa biển theo ND48/CP và có những hình thức xử lý thích hợp cho các hành vi buôn bán, tàng trữ hay chế tác các sản phẩm từ rùa biển.
- Tiến tới tịch thu và tiêu hủy các sản phẩm từ rùa biển sau một thời gian nhất định.
- Tham gia các khóa tập huấn nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng và các thể chế chính sách pháp luật có liên quan.

#### **3.7.2. Vụ xuất nhập khẩu**

- Kiểm soát việc xuất nhập khẩu hay chuyển tải rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển qua Việt Nam dưới mọi hình thức.
- Tham gia các khóa tập huấn nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng và các thể chế chính sách pháp luật có liên quan.

### **3.8. Tổng cục Hải quan**

- Có trách nhiệm kiểm soát, ngăn chặn việc buôn bán, vận chuyển trái phép rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển tại các cửa khẩu, biên giới.
- Tham gia các khóa tập huấn nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng và các thể chế chính sách pháp luật có liên quan.

### **3.9. Tổng cục Du lịch**

#### **3.9.1. Sở du lịch các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu**

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động du lịch tại các địa điểm có rùa biển kiểm soát ăn hoặc sinh sản đã được nêu trong KHHĐ Bảo tồn rùa biển.
- Có những điều kiện chỉ thích hợp trong quy hoạch xây dựng các khu du lịch trong thời gian sắp tới tại những khu vực có rùa biển kiểm soát ăn và sinh sản quan trọng đã được nêu trong KHHĐ Bảo tồn rùa biển.
- Xây dựng các trạm quan sát rùa biển cho du khách nhằm tăng cường nguồn thu cho các dự án bảo tồn.
- Cùng tham gia hoặc giúp đỡ các cơ quan, tổ chức khác trong việc nâng cao nhận thức người dân địa phương và khách du lịch về vai trò và tầm quan trọng của bảo vệ thiên nhiên, môi trường nói chung và bảo vệ rùa biển nói riêng.

### **3.10. Bộ Khoa học và Công nghệ**

- Giúp mở rộng hợp tác quốc tế về Bảo vệ Rùa biển.
- Tổ chức các dự án điều tra, nghiên cứu các hệ sinh thái, nơi sinh sống của rùa biển.

### **3.11. Các tổ chức quốc tế và phi chính phủ**

#### **3.11.1. Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN – Việt Nam)**

- Cùng với Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển xác định các nguồn tài trợ tiềm năng và xây dựng các đề xuất nhằm tìm kiếm tài trợ quốc tế cho bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của rùa biển.

- Hỗ trợ Chính phủ xây dựng các chính sách, chiến lược trong lĩnh vực bảo tồn biển nói chung và bảo tồn rùa biển nói riêng.
- Hỗ trợ xây dựng các chương trình bảo tồn biển ở Việt Nam, đặc biệt đối với các khu vực bảo vệ do cộng đồng quản lý
- Xây dựng các tài liệu giáo dục liên quan đến bảo tồn rùa biển và khuyến khích sử dụng trong các chương trình giảng dạy ngoại khóa.
- Hỗ trợ về kỹ thuật và tăng cường năng lực thể chế cho việc thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển của Việt Nam.

#### **4.10.2. Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên Chương trình nh Đông Dương (WWF– Indochina)**

- Tiếp tục giúp đỡ các dự án tại Côn Đảo và Núi Chúa, xây dựng các đề xuất tìm kiếm tài chính cho các nghiên cứu đánh dấu và rùa biển lên để tại các khu vực đó.
- Tiếp tục giúp đỡ Sở Thủy sản Kiên Giang phát triển chương trình bảo tồn dựa vào cộng đồng tại khu vực Phú Quốc.
- Xây dựng các chương trình bảo tồn biển ở Việt Nam, đặc biệt đối với các khu vực bảo tồn thiên nhiên do cộng đồng quản lý.
- Phối hợp với Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển xác định các nguồn tài trợ tiềm năng và xây dựng các đề xuất nhằm tìm kiếm kinh phí cho bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng.
- Tổ chức thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển, đặc biệt ở các cộng đồng.

#### **3.11.3. Chương trình nh Kiểm soát việc Buôn bán Động thực vật Hoang dã (TRAFFIC – Southeast Asia, Indochina)**

- Cùng với Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển, Cục Kiểm lâm, WWF và IUCN trong các chiến dịch giáo dục và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân địa phương, quan chức chính phủ và các cán bộ thực thi pháp luật về việc buôn bán trái phép các loài động thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng, trong đó có các loài rùa biển.
- Cùng với các cơ quan nhà nước nhằm tăng cường hiệu lực của các chính sách pháp luật liên quan đến việc buôn bán trái phép các sản phẩm rùa biển và cuối cùng là tịch thu, tiêu hủy các sản phẩm đó
- Cùng với các văn phòng TRAFFIC khác trong khu vực tăng cường hiểu biết và hiệu lực của Công ước CITES.

#### **3.11.4. Tổ chức giáo dục Môi trường Việt Nam (ENV)**

- Cùng Bộ Giáo dục Đào tạo và các tổ chức quốc tế liên quan đẩy mạnh việc phát triển và sử dụng các tài liệu giáo dục về rùa biển và nơi sinh sống của chúng trong các trường học tại các khu vực trọng điểm như Côn Đảo, Kiên Giang, Ninh Thuận, Quảng Ninh, Đà Nẵng...
- Giúp đỡ xây dựng thêm các chương trình giáo dục và tuyên truyền về bảo tồn rùa biển tại những nơi khác ở Việt Nam

#### **3.11.6. Các Tổ chức khác**

- Tiếp tục giúp đỡ dự án Bảo tồn rùa biển quốc gia bằng việc giúp đỡ đề xuất các khu vực bảo tồn biển đặc biệt sẽ có trong tương lai, các chương trình bảo tồn dựa vào cộng đồng
- Xúc tiến việc ký kết vào các Hiệp định quốc tế của Chính phủ Việt Nam và các nước khác trong khu vực

#### IV. PHỤ LỤC

##### Phụ lục 1. Các đề xuất dự án ưu tiên tiến hành đến 2010

###### Đề xuất dự án 1

Tên dự án:	Nghiên cứu bảo tồn rùa biển tại phía Bắc Việt Nam
Mục đích:	Duy trì và từng bước phục hồi quần thể rùa biển tại miền Bắc Việt Nam, đặc biệt là khu vực vùng Hạ Long, Cát Bà, Bái Tử Long, Cô Tô
Mức ưu tiên:	Cao, cần tiến hành ngay trong thời gian sắp tới
Thời gian dự án:	3 năm
Sự cần thiết:	Bắc Việt Nam đã từng là nơi phân bố của nhiều loài rùa biển với số lượng tương đối lớn. Các bãi đẻ của chúng đã từng có ở hầu hết các đảo có bãi cát ở khu vực Cát Bà, Hạ Long, Bái Tử Long, Cô Tô. Nhưng hiện nay số lượng của chúng đã và đang bị giảm sút nghiêm trọng, các bãi đẻ hầu như không còn nữa, mỗi năm chỉ còn vài con đẻ và vài chục con lên đẻ tại các bãi biển ở đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng vv... Ngoài ra, nhận thức về bảo vệ rùa biển của người dân ở đây còn nhiều hạn chế, rùa biển tiếp tục bị bắt khi lên đẻ và trứng của chúng cũng bị thu hoạch hết. Một lý do khác để tiến hành một dự án bảo tồn ở khu vực này là tại đây có nhiều sinh cảnh thích hợp cho sự sinh sống của rùa biển như rạn san hô, bãi cỏ biển, rong biển... và tại khu vực này thường xuyên diễn ra các hoạt động đánh bắt gần bờ nên tỷ lệ rùa biển bị đánh bắt không chủ ý không phải là nhỏ. Khu vực này còn là nơi tập trung rất nhiều khách du lịch và có ngành công nghiệp du lịch đang phát triển mạnh mẽ, các bãi cát đang trở thành những bãi tắm phục vụ du lịch, những điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến quần thể rùa biển còn lại tại khu vực.

Các hoạt động chính:

- Khảo sát chi tiết hiện trạng phân bố và số lượng các loài rùa biển tại khu vực
- Thiết lập 2 trạm cứu hộ rùa biển tại Cát Bà và Ngọc Vũng (hoặc Quan Lạn), các trạm này có nhiệm vụ chính là cứu hộ những con rùa biển bị đánh bắt không chủ ý, nuôi dưỡng phục hồi và thả về biển; cứu hộ trứng rùa biển, theo dõi trứng ấp và tỷ lệ trứng nở. Các trạm này là địa điểm để giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân địa phương và khách du lịch
- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân các đảo Ngọc Vũng, Quan Lạn - Minh Châu, Cát Bà... về bảo vệ rùa biển và nơi sinh sống của chúng như các rạn san hô, thảm cỏ biển
- Tổ chức các khóa tập huấn cho các cán bộ của Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Bái Tử Long, Ban Quản lý vùng Hạ Long về các phương pháp nghiên cứu cứu hộ và bảo tồn rùa biển
- Sử dụng tài liệu giáo dục về rùa biển của IUCN, WWF, MoFi trong các trường học tại các đảo Quan Lạn, Ngọc Vũng, Cát Bà

Phạm vi: Khu vực Bái Tử Long, vùng Hạ Long, Cát Bà

Cơ quan chủ quản: Bộ Thủy sản

Cơ quan tiến hành: HIO, RIMF, Ban quản lý vịnh Hạ Long, Ban quản lý Vườn Quốc gia Cát Bà, Ban quản lý Vườn Quốc gia Bái Tử Long và các tổ chức quốc tế liên quan.

Địa điểm: Cát Bà, Quan Lạn (Ngọc Vũng)

## Đề xuất dự án 2

Tên dự án:	Nghiên cứu bảo tồn rùa biển tại quần đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa), Việt Nam
Mục đích:	Xác định thành phần loài, số lượng quần thể rùa biển đang sinh sống và sinh sản tại các đảo của quần đảo Trường Sa. Xác định phương pháp thích hợp để bảo tồn và phục hồi quần thể rùa biển tại khu vực này
Mức ưu tiên:	Cao, cần tiến hành ngay trong thời gian sắp tới
Thời gian dự án:	3 năm
Sự cần thiết:	Trường Sa là một quần đảo bao gồm hơn 40 đảo nhỏ, nằm cách đất liền gần 400 hải lý. Việc nghiên cứu sinh vật biển nói chung và rùa biển nói riêng tại đây còn nhiều hạn chế do điều kiện đi lại khó khăn và là khu vực nhạy cảm. Nghiên cứu rùa biển tại một số đảo khu vực đã được một số nước như Malaysia, Trung Quốc thực hiện tại các đảo do họ quản lý. Các nghiên cứu rùa biển tại các đảo của Việt Nam cũng đã được thực hiện nhưng chỉ thu được những thông tin cơ bản, hạn chế tại một số đảo vì các nghiên cứu này thường chỉ là kết hợp với các nhóm sinh vật khác. Vì vậy rất cần thiết phải có những nghiên cứu chuyên sâu về đối tượng rùa biển tại khu vực rộng lớn hơn, nhiều đảo hơn và thời gian lâu hơn nhằm xác định chính xác thành phần loài, số lượng, các bãi đẻ và số lượng rùa mẹ lên đẻ cũng như các đe dọa đối với rùa biển tại khu vực này. Nghiên cứu này sẽ rất quan trọng, tạo tiền đề cho việc hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các nước đang tranh chấp tại khu vực.
Phạm vi nghiên cứu:	Quần đảo Trường Sa
Các hoạt động chính:	<ul style="list-style-type: none"><li>• Khảo sát hiện trạng rùa biển tại khu vực, xác định những bãi đẻ chính, khu vực kiếm ăn chính, các đe dọa chính đối với rùa biển kiếm ăn và đẻ trứng tại khu vực</li><li>• Thiết lập các điểm thí điểm (pilot sites) tại một số địa điểm chính về nghiên cứu rùa biển lên đẻ, các chương trình bắt-đánh dấu-thả, chương trình cứu hộ trứng rùa, quản lý ấp trứng...</li><li>• Nâng cao nhận thức của bộ đội biên phòng trên đảo về tầm quan trọng của rùa biển</li><li>• Mở các khóa tập huấn cho cán bộ chiến sĩ trên các đảo về các phương pháp nghiên cứu bảo vệ rùa biển</li><li>• Thúc đẩy việc thành lập khu vực bảo vệ chung giữa các nước đang tranh chấp, tăng cường quan hệ không chỉ về mặt bảo vệ thiên nhiên giữa các nước.</li></ul>
Cơ quan chủ quản:	Bộ Thủy sản
Cơ quan tiến hành:	RIMF, HIO, NIO, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Hải quân, huyện đảo Trường Sa
Địa điểm:	Đảo Trường Sa Lớn, Nam Yến, Sinh Tôn, Song Tử, Đá Lát...

### Đề xuất dự án 3

Tên dự án:	Thiết lập mô hình kết hợp du lịch với bảo tồn rùa biển tại bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng)
Mục tiêu:	Xây dựng một mô hình thí điểm kết hợp du lịch sinh thái với bảo tồn rùa biển, xây dựng nhữg điạ điểm quan sát rùa biển lên để nhằm thu hút khách du lịch và tạo nguồn thu nhập cho nhữg người dân địa phương và cho các hoạt động bảo tồn tiếp theo
Mức ưu tiên:	Trung bình
Thời gian dự án:	2 năm
Sự cần thiết:	

Du lịch sinh thái ngày càng phát triển và đem lại nguồn thu lớn cho các địa phương, đặc biệt ở nhữg vùng ven biển. Nhưng điệu đó lại ảnh hưởng lớn đến môi trường biển nói chung và rùa biển nói riêng. Vì vậy rất cần có sự phát triển du lịch bền vững, dung hòa lợi ích của du lịch đem lại, đồng thời không ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của các loài động thực vật. Thành phố Đà Nẵng là một thành phố ven biển du lịch rất phát triển. Đã có nhữu dự án phát triển du lịch tại các bãi biển trong bán đảo Sơn Trà, nơi hiện nay còn rất hoang sơ và rùa biển vẫn lên đẻ. Nếu không có sự quy hoạch phát triển ngay lập tức thì chỉ một vài năm nữa rùa biển sẽ hoàn toàn biến mất tại khu vực này.

Phạm vi:	Bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
Cơ quan chủ quản:	Sở Du lịch, UBND thành phố Đà Nẵng
Cơ quan tham gia:	Vườn quốc gia Bán đảo Sơn Trà, IUCN, WWF, HIO, NIO, RIMF, NADA Đà Nẵng, các khách sạn, các công ty du lịch

#### Các hoạt động chính:

- Khảo sát chi tiết hiện trạng số lượng, các bãi đẻ chính, mùa sinh sản của rùa biển tại bán đảo Sơn Trà.
- Quy hoạch bãi cát bảo vệ rùa biển lên đẻ
- Thiết lập trạm quan sát rùa biển lên đẻ, trung tâm thông tin tuyên truyền. Thành viên của các trung tâm này là người dân địa phương
- Kết hợp với các công ty du lịch để mở tour du lịch sinh thái quan sát rùa biển lên đẻ
- Kêu gọi sự tài trợ của các khách sạn, các công ty du lịch cho các dự án bảo tồn rùa biển
- Xây dựng các chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho khách du lịch, in tờ rơi, pa nô, áp phích...
- Sản xuất các đồ lưu niệm, áo phông, mũ in hình rùa biển để tạo quỹ cho các hoạt động khác

Địa điểm:	Bãi Bắc, Bãi Nam, Bãi Tre – Bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng
-----------	---

#### Đề xuất dự án 4

Tên dự án:	Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu rùa biển tại Việt Nam
Mục đích:	Xây dựng và quản lý một cơ sở dữ liệu về rùa biển nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu và bảo tồn lâu dài rùa biển tại Việt Nam.
Mức ưu tiên:	Trung bình
Thời gian dự án:	2 năm
Sự cần thiết:	

Rùa biển đã được bắt đầu nghiên cứu tại Vườn quốc gia Côn Đảo từ năm 1995, nhưng những thông tin thu được chưa có hệ thống và chưa được phổ biến rộng rãi cho nhiều nhà quản lý, nghiên cứu và cộng đồng. Vì vậy hiệu quả của việc nghiên cứu đó chưa cao. Ví dụ: rùa biển được đánh dấu ở Côn Đảo nhưng lại di cư đến vùng biển khác như Phú Quý. Tại đây chúng bị ngư dân bắt được và báo cho Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi, nhưng Chi cục lại không biết được phải gửi những thông tin trên thẻ về đâu và như thế nào. Vì vậy rất nhiều rùa biển được Vườn quốc gia Côn Đảo đánh dấu nhưng không thể quay trở lại để sinh sản được. Hơn nữa những thông tin thu được của Côn Đảo sẽ trở nên rất có giá trị nếu như được các nước khác, các khu vực khác biết đến và họ sẽ dễ dàng hơn trong việc nghiên cứu đường di cư của rùa biển.

Việc nghiên cứu rùa biển không thể tiến hành trong thời gian ngắn mà phải lâu dài, vì vậy những thông tin thu được nếu được lưu trữ cẩn thận sẽ giúp cho việc nghiên cứu tìm hiểu rùa biển được cũng như số lượng rùa biển còn lại ở Việt Nam được thuận lợi.

Các hoạt động chính:

- Xây dựng một cơ sở dữ liệu về quản lý rùa biển: số lượng rùa biển lên đẻ, số lượng được đánh dấu, số ổ trứng, số rùa con, thời gian ấp trứng...
- Đưa những thông tin về rùa biển đó lên mạng internet để chia sẻ thông tin và tiến hành tuyên truyền trên mạng internet.

Phạm vi:	Toàn bộ vùng biển Việt Nam
Cơ quan chủ quản:	Bộ Thủy sản
Cơ quan tiến hành:	Vườn quốc gia Côn Đảo, MoFi, IUCN, WWF
Địa điểm:	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, Phú Quốc và các khu vực khác

## Đề xuất dự án 5

Tên dự án: Nghiên cứu cấu trúc di truyền nhằm xác định phương án bảo tồn và quản lý tối ưu quần thể rùa biển và nơi sinh sống của chúng tại Việt Nam

Mục đích: Nghiên cứu cấu trúc di truyền của quần thể rùa biển, đặc biệt ở những khu vực tập trung cao như Côn Đảo, Núi Chúa, Thổ Chu, Phú Quốc nhằm xác định phương án bảo tồn hiệu quả nhất cho các quần thể này và nơi sinh sống của chúng

Mức ưu tiên: Trung bình

Thời gian dự án: 1 năm

Sự cần thiết:

Rùa biển là loài di cư xa, một cá thể có thể sinh sản tại khu vực này nhưng lại sinh sống ở khu vực khác cách đó hàng nghìn ki-lô-mét. Vì vậy việc bảo vệ và quản lý chúng gặp rất nhiều khó khăn. Ngày nay, với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, người ta có thể xác định được nguồn gốc của cá thể đó, từ đó sẽ xác định phương án thích hợp để bảo tồn chúng. Bản chất của kỹ thuật này là nghiên cứu và so sánh cấu trúc di truyền quần thể của các cá thể trong các khu vực đó, vì nếu chúng có nguồn gốc giống nhau thì sẽ có cấu trúc di truyền gốc giống nhau. Sau đó sẽ xác định được các đơn vị quản lý và các khu vực cần được quản lý. Nhờ đó việc bảo tồn và quản lý rùa biển sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn.

Phạm vi: Bà Rịa-Vũng Tàu, Ninh Thuận, Kiên Giang, Trường Sa

Cơ quan chủ quản: Bộ Thủy sản

Cơ quan tiến hành: NIO, HIO, Viện Công nghệ sinh học, Viện di truyền, IUCN, WWF

Địa điểm: Côn Đảo, Núi Chúa, Phú Quốc, Trường Sa

Các hoạt động chính:

- Khảo sát thực địa, thu mẫu rùa mẹ lên đẻ và rùa con mới sinh để phân tích.
- Phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm, xác định cấu trúc di truyền.
- Xác định các đơn vị quản lý rùa biển áp dụng các đơn vị quản lý đó vào thực tế.

## Đề xuất dự án 6

Tên dự án:	Tiếp tục duy trì chương trình nghiên cứu bảo tồn rùa biển tại Côn Đảo, Núi Chúa và Phú Quốc
Mục đích:	Tiếp tục duy trì thực hiện các chương trình nghiên cứu bảo vệ rùa biển đã và đang tiến hành ở các khu vực Côn Đảo, Núi Chúa, Phú Quốc và nghiên cứu thêm một số vấn đề khác như theo dõi bằng vệ tinh, sử dụng thiết bị thoát rùa trong đánh bắt hải sản...
Mức ưu tiên:	Cao
Thời gian dự án:	3 năm
Sự cần thiết	

Rùa biển là loài có tuổi thọ cao và thời gian trưởng thành chậm. Vì vậy việc nghiên cứu bảo vệ chúng không thể chỉ trong ngày một ngày hai mà đòi hỏi thời gian nghiên cứu lâu dài và chi tiết, các kết quả phải được ghi lại một cách đầy đủ. Các chương trình nghiên cứu, bảo tồn và quản lý rùa biển tại Côn Đảo đã được bắt đầu từ năm 1995, nhưng ở các nơi khác như Núi Chúa, Phú Quốc chỉ mới được bắt đầu trong những năm gần đây. Do đó việc tiếp tục duy trì các chương trình nghiên cứu như giám sát đánh dấu, cứu hộ rùa biển và trứng, tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân... tại đây là rất cần thiết. Ngoài ra, cần phải sử dụng một số phương pháp khác để nghiên cứu và quản lý rùa biển có hiệu quả hơn như theo dõi bằng vệ tinh, sử dụng Thiết bị thoát rùa trong đánh bắt hải sản...

Phạm vi:	Vườn quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, Phú Quốc
Cơ quan chủ quản:	Bộ Thủy sản
Cơ quan tiến hành:	Vườn quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Kiên Giang, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Ninh Thuận, RIMF, NIO, và các tổ chức quốc tế liên quan.

Các hoạt động chính:

- Tiếp tục các chương trình đẻ trứng, cứu hộ rùa mẹ lên đẻ và trứng, theo dõi quá trình ấp trứng và con non, tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân địa phương về rùa biển và đang tiến hành
- Nghiên cứu sâu về sinh học, sinh thái học rùa biển như theo dõi nhiệt độ ấp trứng và tỷ lệ giới tính của rùa non, tỷ lệ nở, tỷ lệ chết, ảnh hưởng của ánh sáng, tiếng động đối với rùa con...
- Biên tập Sách hướng dẫn về quản lý bãi đẻ và các quá trình ấp trứng rùa biển nhằm phổ biến cho những khu vực khác
- Nghiên cứu sử dụng Thiết bị thoát rùa (TED) trong đánh bắt hải sản nhằm giảm tỷ lệ rùa biển bị chết do đánh bắt không chủ ý gây ra.
- Giám sát theo dõi bằng vệ tinh, nghiên cứu inter-nesting và đường di cư của rùa biển

Địa điểm:	Côn Đảo, Phú Quốc, Núi Chúa
-----------	-----------------------------

## Đề xuất dự án 7

Tên dự án:	Chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng
Mục đích:	Xây dựng và thực hiện một chương trình giáo dục truyền thông, nâng cao nhận thức cho cán bộ thuộc các cấp ban ngành có liên quan cũng như cộng đồng về bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng trên toàn quốc. Các vấn đề liên quan đến mua bán, thương mại bất hợp pháp rùa biển và các sản phẩm của rùa biển cũng sẽ được đề cập trong chương trình này.
Mức ưu tiên:	Cao, cần tiến hành sớm nhất
Thời gian dự án:	3 năm
Sự cần thiết	

Sự thiếu hụt hiểu biết về việc tại sao phải bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng trong cộng đồng nói chung và trong các cấp ban ngành nói riêng là hạn chế lớn đối với công tác bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng. Mặc dù các chương trình nâng cao nhận thức về bảo tồn và quản lý đã bắt đầu được thực hiện tại Côn Đảo từ năm 1995 và tiếp theo đó là Ninh Thuận (2001) và Phú Quốc - Kiên Giang (2002) nhưng mới chỉ dừng lại tại các địa phương này. Buôn bán, chế tác rùa biển và các sản phẩm của chúng đã từ lâu trở thành một ngành nghề thu lợi nhuận cho người dân ở các địa phương có du lịch phát triển. Thậm chí ở một số địa phương như Hà Tiên (Kiên Giang) việc chế tác rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển đã từng được coi như một ngành nghề truyền thống và cần được gìn giữ trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh. Sai lầm đó tuy đã được sửa chữa nhưng việc chế tác và buôn bán rùa biển vẫn còn tồn tại.

Do đó rất cần có một chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức trên quy mô lớn và nhiều đối tượng, từ các quan chức chính phủ cho đến các nhà quản lý chính sách, cán bộ nhân viên bảo tồn, đối tượng buôn bán, sinh và cộng đồng dân cư nhằm tăng cường nhận thức của người dân địa phương, quảng bá hình ảnh rùa biển, một con vật quan trọng trong truyền thống văn hóa Việt Nam.

Phạm vi:	Toàn quốc
Cơ quan chủ quản:	Bộ Thủy sản
Cơ quan tiến hành:	Bộ Thương mại, Cục Kiểm lâm, Cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản, Lực lượng Biên phòng, và các tổ chức quốc tế, phi chính phủ cùng tham gia (IUCN, TRAFFIC, WWF).

### Các hoạt động chính:

- Xác định các nhóm mục tiêu như các cộng đồng sống ven biển, học sinh, các chủ khách sạn, người đi du lịch, thương gia địa phương và các cơ quan nhà nước ở địa phương sau đó thực hiện một chương trình nhận thức toàn diện. Chương trình này sẽ giúp tạo ra một thái độ tích cực và có được sự hỗ trợ của họ đối với việc bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng.
- Tiếp tục biên soạn tài liệu giáo dục về bảo tồn rùa biển và khuyến khích sử dụng những tài liệu này trong các trường học.

- Chương trình nâng cao nhận thức về nghị định, luật pháp, pháp lệnh, thông tư... có liên quan đến bảo tồn rùa biển và môi trường sống của chúng

Địa điểm:

Toàn quốc

## Đề xuất dự án 8

Tên dự án:	Nâng cao năng lực, hiệu quả của các công tác bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng
Mục đích:	Đào tạo cán bộ mọi cấp về bảo tồn rùa biển và nơi sinh sống của chúng
Mức ưu tiên:	Trung bình
Thời gian dự án:	4 năm
Sự cần thiết:	

Rùa biển là một đối tượng quan trọng được nhiều nước trên thế giới quan tâm và coi trọng. Các nghiên cứu rùa biển ở các nước đã đạt được tiến hành từ rất lâu và tương đối sâu. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu rùa biển một cách quy mô và hệ thống mới chỉ được bắt đầu từ năm 1995 tại Côn Đảo, nhưng những nghiên cứu đó chỉ mang tính chất cơ bản và thiếu chiều sâu. Điều này một phần là do nguồn kinh phí có hạn, chưa được quan tâm đúng mức, phần khác là do thiếu kiến thức chuyên sâu về sinh học, sinh thái rùa biển. Do đó cần có một quá trình đào tạo bài bản, chuyên sâu về bảo tồn rùa biển cho các cán bộ nghiên cứu khoa học, cho các nhà quản lý về các vấn đề này.

Phạm vi:	Các cơ quan nghiên cứu khoa học biển, các Khu bảo tồn Biển
Cơ quan chủ quản:	Bộ Thủy sản
Cơ quan tiến hành:	Vườn quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, Vườn Quốc gia Bái Tử Long, HIO, RIMF, NIO và các tổ chức quốc tế liên quan.

Các hoạt động chính:

- Xây dựng trung tâm đào tạo tại Vườn Quốc gia Côn Đảo
- Tổ chức các khóa đào tạo cho các cán bộ quản lý các khu bảo tồn biển và các cơ quan nghiên cứu khoa học
- Tổ chức đào tạo tại nước ngoài những kỹ thuật nghiên cứu bảo tồn mới và hiệu quả nhất.
- Tổ chức các chuyến đi tham quan học tập tại các mô hình Khu bảo tồn Biển trong nước và nước ngoài đã đạt được nhiều thành công trong công tác bảo tồn và quản lý rùa biển để học tập kinh nghiệm, nhằm áp dụng những mô hình đó và điều kiện địa phương mình một cách thích hợp và hiệu quả nhất.
- Đào tạo chuyên sâu (thạc sĩ, tiến sĩ) cho một số cán bộ làm công tác bảo tồn và nghiên cứu rùa biển ở các cơ quan nghiên cứu khoa học và Khu bảo tồn biển.

Địa điểm:	Toàn quốc
-----------	-----------

**Phụ lục 2. Những tác động đối với rùa biển có liên quan đến hoạt động của con người**

✓ - đe dọa hiện tại

✗ - đe dọa đã mất hay không được ghi chép

? - những đe dọa nghi ngờ có nhưng không có trong các tài liệu

<b>Những tác động liên quan đến các hoạt động của con người</b>	<b>Ví ch (phía a Nam)</b>	<b>Ví ch (phía a Bắc)</b>	<b>Ví ch (vị nh Thái Lan)</b>	<b>Ví ch (Trường Sa)</b>	<b>Đôi môi</b>	<b>Đôi môi (Trường Sa)</b>	<b>Đôi môi dứa</b>	<b>Rùa da</b>	<b>Quản đ ong (*)</b>
Các hoạt đ ộng biên phòng	✗	✗	?	✓	✗	✓	✗	✗	✗
Dị ch bệ nh	✗	✗	✗	✗	✗	✗	✗	✗	✗
Khai thác cát	✗	✓	✗	✗	✗	✗	✓	✗	✗
Phát triển du lịch	✓	✓	?	✗	?	✗	✓	✗	✗
Thu lượm trứng trái phép	✓	✓	✓	?	✓	?	✓	✓	✗
Đánh bắt không chủ ý – cá u	✓	✓	✓	?	✓	?	✗	✗	✓
Đánh bắt không chủ ý – lưú rê	✓	✓	✓	?	✓	?	✓	✓	✓
Đánh bắt không chủ ý – Cá u Kiê u	✓	?	?	?	✓	?	✗		✓
Đánh bắt không chủ ý – lưú giã	✓	✓	✓	?	✓	?	✓	✓	✓
ăn phải hay vướng phải các loại rác ở biển	?	?	?	?	?	?	?	?	?
Đánh bắt trực tiếp trái phép tại Việt Nam	✓	✓	✓	?	✓	?	✗	✗	✗
Đánh bắt trực tiếp ở nước ngoài	?	?	?	?	?	?	?	?	✗

(\*) Quản đ ong, tuy không sinh sản tại vùng biển nam, nhưng sinh sống trong vùng biển n Việt Nam

**Phụ lục 3: Bảng ước tính chi phí các hành động ưu tiên**

Bảng 1. Mức ưu tiên, tính khả thi, ước tính chi phí của các hành động mục tiêu 1 trong 3 năm đầu thực hiện KHHĐ

(đơn vị : 1000 USD)

Hành động cụ thể	Nội dung	Mức ưu tiên	Tính khả thi	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
1	Khảo sát cơ bản tại các đảo ngoài khơi như Trường Sa, Hoàng Sa...	1	Cao	MoD Bord Pol, Bộ Thủy sản	-	-	-	
2	Nghiên cứu cơ bản tại Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Phú Yên và Bình Thuận	1	Cao	Bộ Thủy sản	-	-	-	
3	Xác định nguồn tài chính cho Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển	2	Cao	Bộ Thủy sản IUCN	-	4	4	8
4	Tạo một diễn đàn chung để trao đổi kiến thức và ý kiến chuyên môn về rùa biển giữa những người có liên quan	2	Trung bình	Bộ Thủy sản IUCN WWF	5	5	5	15
5	Tổ chức các buổi hội thảo, khảo sát thực địa, chương trình trao đổi nâng cao năng lực chuyên môn cho các chuyên gia trong nước và quốc tế	2	Cao	Bộ Thủy sản, WWF	-	8	8	16
6	Thông qua trao đổi thông tin, rút ra các bài học kinh nghiệm trong công tác bảo tồn và quản lý rùa biển tại Việt Nam	1	Cao	Bộ Thủy sản	10	10	10	30
7	Xây dựng kế hoạch làm việc hàng năm cho Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển, cập nhật danh sách các khu vực và các hoạt động ưu tiên	1	Cao	PSC	1	1	1	3
8	Tiến hành các nghiên cứu kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân và các thành phần kinh tế khác liên quan đến quá trình buôn bán các sản phẩm từ rùa biển.	2	Cao	NGOs	5	5	5	15
9	Tìm kiếm các giải pháp và nguồn thu thay thế ở những ngư dân chuyên đánh bắt hay những người buôn bán rùa biển và các sản phẩm từ rùa biển	2	Cao	Bộ Thủy sản	5	5	5	15

Bảng 1 (tiếp). Mức ưu tiên, tính khả thi, ước tính chi phí các hành động mục tiêu 1 trong 3 năm đầu thực hiện KHHĐ

(đơn vị: 1000USD)

Hành động cụ thể	Nội dung	Mức ưu tiên	Tính khả thi	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
10	Định lượng số lượng rùa biển bị đánh bắt không chủ ý của các phương tiện đánh bắt hải sản	1	Trung bình	RIMF Bộ Thủy sản IUCN	5	5	5	15
11	Bước đầu nghiên cứu và phát triển việc sử dụng thiết bị thoát rùa (TED) tại Việt Nam, với mục đích thực hiện các nghiên cứu thí điểm tại các khu vực quan trọng.	1	Trung bình	RIMF Bộ Thủy sản	10	20	20	50
12	Điều tra thu thập thông tin về số lượng các ngư cụ như lưới rê bị mất hàng năm, từ đó nắm được nguy cơ gây hại đối với rùa biển, đề xuất các biện pháp giảm thiểu nguy cơ này	2	Cao	Bộ Thủy sản RIMF	10	10	10	30
13	Xem xét khả năng của các lựa chọn quản lý khác như cấm đánh bắt theo mùa, giảm bớt thời gian kéo lưới hoặc hạn chế việc sử dụng một số loại ngư cụ.	1	Cao	RIMF, Bộ Thủy sản, HIO, NIO, NGOs	5	5	5	15
14	Xây dựng các chương trình tập huấn xúc tiến việc thực hiện các chương trình theo dõi phương tiện đánh bắt thủy sản và kiểm tra giám sát việc thực hiện đó	3	Cao	RIMF, Bộ Thủy sản	-	-	20	20
15	Tiếp tục điều chỉnh những biện pháp quản lý cho phù hợp với thực tế	2	Trung bình	RIMF, Bộ Thủy sản	10	10	10	30
16	Mở rộng các chương trình nâng cao nhận thức nhằm vào ngư dân, các cán bộ quản lý thủy sản, hải quan và công an...	1	Cao	FPD, Bộ Thủy sản, IUCN, TRAFFIC	-	5	5	10
17	Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức tập trung vào các đối tượng kinh doanh bất hợp pháp các sản phẩm rùa biển và các nhà quản lý	1	Cao	TRAFFIC, FPD, IUCN	5	5	5	15
18	Tịch thu và tiêu hủy tất cả các sản phẩm rùa biển buôn bán tại Việt Nam	1	Cao	FPD, Công an, Hải quan, TRAFFIC, IUCN	10	-	-	10
19	Xác định các giá trị về văn hóa, truyền thống và kinh tế của rùa biển (giá trị vật thể và phi vật thể)	2	Cao	Bộ Thủy sản, NGOs, RIMF	5	5	5	15

Bảng 2. Mức ưu tiên, tính khả thi, ước tính chi phí các hành động mục tiêu 2 trong 3 năm đầu thực hiện KHHĐ

Hành động cụ thể	Nội dung	Mức ưu tiên	Tính khả thi	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
20	Nghiên cứu các biện pháp quản lý bãi đẻ và khoanh vùng những khu vực cần được bảo vệ	1	Cao	Bộ Thủy sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường	10	10	10	30
21	Tiến hành nghiên cứu phân bố bãi đẻ và mùa vụ sinh sản của rùa biển tại một số khu vực như Côn Đảo, Ninh Thuận, Đà Nẵng...	1	Cao	Bộ Thủy sản, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, WWF	10	5	5	20
22	Tiếp tục điều tra cơ bản hàng năm về sự phân bố bãi đẻ và mùa vụ sinh sản của rùa biển, đặc biệt tại các đảo xa bờ như Trường Sa, Hoàng Sa	1	Cao	Bộ Thủy sản, RIMF	10	10	10	30
23	Đánh giá tác động của việc khai thác rùa đẻ và trứng rùa tại Côn Đảo, Thổ Chu, Ninh Thuận, Sơn Chà và Quan Lạn	2	Cao	Bộ Thủy sản, RIMF, NGOs, HIO, NIO	3	3	3	9
24	Phân tích số liệu nhằm đánh giá sự thành công của các chương trình bảo vệ bãi đẻ hiện tại, trong đó quan tâm đến số lượng rùa con sinh ra	1	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, WWF	2	-	-	2
25	Sử dụng những số liệu hiện tại để quản lý trực tiếp, giảm thiểu tỷ lệ chết của con non	3	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, WWF	-	5	5	10
26	Khảo sát, nâng cấp khả năng sử dụng các khu ương ấp được bảo vệ để tối ưu hóa quá trình ấp trứng	3	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, WWF	-	5	5	10
27	Thiết lập khu bảo vệ và cứu hộ rùa biển tại Quảng Ninh, Đà Nẵng và các khu vực có rùa biển lên đẻ khác	2	Cao	Bộ Thủy sản, NGOs	5	5	5	15
28	Xây dựng một tập sách hướng dẫn quản lý việc ấp trứng	2	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, WWF	5	-	-	5
29	Tham khảo ý kiến của Nhóm chuyên gia về rùa biển IUCN để xây dựng, kiểm tra và quản lý bãi đẻ theo đúng kỹ thuật và phương pháp	4	Cao	Bộ Thủy sản, RIMF, Vườn Quốc gia Côn Đảo	5	5	5	15
30	Sử dụng các thành viên của Vườn Quốc gia Côn Đảo tham gia vào các chuyến khảo sát thực địa tại các khu vực quản lý rùa biển	2	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, WWF	10	5	-	15
31	Tổ chức và cử người tham gia các khóa tập huấn đào tạo nâng cao trình độ cho lực lượng cán bộ làm công tác bảo tồn	2	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, WWF	5	5	5	15

Bảng 3. Mức ưu tiên, tính khả thi, ước tính chi phí các hành động mục tiêu 3 trong 3 năm đã u thực hiện KHHĐ

(Đơn vị: 1000USD)

Hành động cụ thể	Nội dung	Mức ưu tiên	Tính khả thi	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
32	Tập huấn và hợp tác với lực lượng biên phòng ở các đảo xa trong việc thu thập số liệu về rùa biển	1	Cao	Bord Pol, MoD, WWF, IUCN & Bộ Thủy sản	10	5	5	20
33	Xác định các nơi sinh sống gần bờ và xa bờ của rùa biển	1	Trung bình	RIMF, HIO & NIO	10	5	5	20
34	Chọn lựa và quản lý các khu bảo tồn, các vùng cấm khai thác tạm thời và nghiêm ngặt để loại trừ dần các đe dọa đối với rùa biển	1	Cao	Bộ Thủy sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường				
35	Hỗ trợ việc thành lập các khu bảo tồn biển tại đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ (Hải Phòng), Phú Quốc (Kiên Giang), Cò Tô (Quảng Ninh)	1	Cao	Tất cả các cơ quan	1	1	1	3
36	Khuyến khích sự bảo vệ các nơi sinh sống chính của rùa biển nằm ngoài các khu bảo tồn	1	Trung bình	Bộ Thủy sản, HIO, NIO, NGOs	20	20	20	60
37	Tiến hành đánh giá những tác động môi trường của việc phát triển ven biển và ngoài khơi, những hoạt động hiện tại cũng như các hoạt động sắp tới của con người có thể ảnh hưởng tới nơi sinh sống của rùa biển	2	Trung bình	Bộ Thủy sản	10	-	-	10
38	Theo dõi và giám sát các nguồn ô nhiễm từ đất liền và tàu thuyền như dầu, đồ nhựa và các chất thải khác	1	Trung bình	Bộ Thủy sản, VEPA, MARD, NGOs	20	20	20	60
39	Tiến hành đánh giá và tăng cường hiệu quả các chế tài của luật và quy định hiện hành trong việc đánh bắt bằng các phương pháp hủy diệt	1	Cao	Bộ Thủy sản	10	-	-	10
40	Tiếp tục kiểm tra hiện trạng các rạn san hô và thảm cỏ biển tại Việt Nam	1	Cao	NIO & HIO	5	5	5	15
41	Xây dựng và tiến hành các dự án làm sạch bãi biển nhằm loại bỏ rác thải làm cản trở rùa lên bãi đẻ và rùa con mới nở	1	Cao	Bộ Thủy sản, Bộ Tài nguyên Môi trường	5	5	5	15
42	Hỗ trợ các nghiên cứu phát triển các kỹ thuật nuôi trồng và phục hồi các thảm cỏ biển và rạn san hô.	1	Cao	Bộ Thủy sản, NIO, HIO	5	10	5	20
43	Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quản lý khai thác hải sản.	1	Cao	Bộ Thủy sản	-	-	-	-
44	Nghiên cứu các loại ngư cụ, phương pháp khai thác hải sản nhằm hạn chế khả năng hủy hoại nơi sinh sống và kiếm ăn của rùa biển.	1	Trung bình	Bộ Thủy sản	10	-	-	10

Bảng 4. Mức ưu tiên, tính khả thi, ước tính chi phí các hành động mục tiêu 4 trong 3 năm đầu thực hiện KHHĐ

Hành động cụ thể	Nội dung	Mức ưu tiên	Tính khả thi	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
45	Tiếp tục các chương trình theo dõi dài hạn rùa biển lên đê tại Côn Đảo	1	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo, Bộ Thủy sản	10	10	10	30
46	Thiết lập trung tâm thông tin lưu trữ số liệu u tại Côn Đảo	1	Cao	Vườn Quốc gia Côn Đảo	3	3	3	9
47	Sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như đánh dấu, di truyền, theo dõi bằng vệ tinh để xác định đường di cư và điểu miễn nhiễm của rùa biển	2	Trung bình	Bộ Thủy sản, RIMF, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa	-	15	15	30
48	Nghiên cứu di truyền nhằm xác định các đơn vị quản lý rùa biển sinh sản tại Việt Nam	2	Trung bình	Bộ Thủy sản, RIMF, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa	-	15	15	30
49	Sử dụng các thông tin tích hợp từ cơ sở dữ liệu và phổ biến cho các địa phương khác để tiến hành công tác bảo tồn	1	Cao	Bộ Thủy sản, Vườn Quốc gia Côn Đảo	5	5	5	15
50	Tiếp tục thu thập số liệu rùa biển lên đê và kiếm ăn tại Côn Đảo, Ninh Thuận, Thổ Chu và một số địa điểm ưu tiên khác để phân tích xu thế sinh sản của quần thể rùa biển	1	Cao	Bộ Thủy sản, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, NADA các địa phương	10	10	10	30
51	Sử dụng các kết quả nghiên cứu nhằm tiếp tục đánh giá và điểu chỉnh công tác quản lý	2	Cao	Bộ Thủy sản	3	3	3	9
52	Chuẩn hóa phương pháp và xác định nội dung chính xác của các số liệu thu thập được theo hướng dẫn của Nhóm chuyên gia Rùa biển của IUCN	1	Cao	Bộ Thủy sản	5	-	-	5
53	Xác định nội dung các phương pháp/phương tiện thông tin đại chúng nhằm tuyên truyền thông tin	2	Cao	Bộ Thủy sản, NADA các địa phương	5	-	-	5
54	Xây dựng mạng lưới quan trắc rùa biển tại các tỉnh ven biển	1	Cao	Bộ Thủy sản, NADA các địa phương ven biển	10	-	-	10
55	Nâng cao khả năng của Ban chỉ đạo thực hiện KHHĐ Bảo tồn Rùa biển, chuẩn bị các đề xuất và dự tính các hoạt động có hiệu quả để thu hút tài trợ	2	Cao	NGOs giúp đỡ về kỹ thuật	3	-	-	3
56	Xác định nguồn ngân sách của Nhà nước, các Tổ chức quốc tế hỗ trợ cho các dự án bảo tồn rùa biển	1	Cao	Bộ Thủy sản, NGOs	3	-	-	3
57	Đẩy mạnh các chương trình từ nguồn kinh phí trong các chiến dịch vận động quyên góp ở cấp địa phương và quốc gia và thông qua việc bán các sản phẩm như áo T-shirts, áp phích, các đồ thủ công...	1	Cao	NGOs cùng với các cơ quan như Vườn Quốc gia Côn Đảo	5	-	-	5
58	Thiết lập và thúc đẩy các dự án du lịch sinh thái như quan sát rùa lên đê tại các bãi đẻ (như Côn Đảo, Ninh Thuận...)	2	Trung bình	Vườn Quốc gia Côn Đảo, ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo	10	5	-	15

Bảng 5. Mức ưu tiên, tính khả thi, ước tính chi phí các hành động mục tiêu 5 và 6 trong 3 năm đầu thực hiện KHHĐ

(đơn vị 1000USD)

Hành động cụ thể	Nội dung	Mức ưu tiên	Tính khả thi	Cơ quan chịu trách nhiệm chính	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
59	Xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức toàn diện cho các nhóm trọng điểm	1	Cao	Bộ Thủy sản, RIMF, NIO, HIO, NGOs	40	20	10	70
60	Tiếp tục biên soạn và đưa các tài liệu giáo dục của và các chương trình giảng dạy của nhà trường, Xây dựng các tài liệu khoa học về rùa biển phục vụ cho công tác tuyên truyền như phim tài liệu khoa học, áp phích, tập ảnh về sinh học, sinh thái học rùa biển và môi trường sống của chúng	1	Cao	MoE, Bộ Thủy sản, WWF, TRAFFIC, IUCN, ENV	20	20	10	50
61	Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng tham gia vào các chương trình để có thể đánh dấu, thả rùa biển, cung cấp thông tin ghi trên thẻ của những con rùa đánh bắt được	2	Cao	NGOs	10	5	-	15
62	Khuyến khích các nước khác trong ASEAN ký vào Công ước IOSEA và CITES. Cùng với Chính phủ các nước khác trong khu vực nhằm xây dựng một khu vực cùng nghiêm túc thực hiện Công ước CITES	4	Cao	Bộ Thủy sản	-	-	-	-
63	Hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam thực hiện các luật pháp quốc gia và quốc tế liên quan đến buôn bán các loài động thực vật có nguy cơ tuyệt chủng	1	Cao	Bộ Thủy sản, FPD, VEPA, NGOs	5	5	5	15
64	Tìm kiếm sự hợp tác các nước ASIAN nhằm ngăn cấm, cản trở, hay nếu có thể, loại bỏ việc buôn bán bất hợp pháp	1	Trung bình	Bộ Thủy sản	-	-	-	-
65	Tăng cường mối quan hệ giữa các Cơ quan có trách nhiệm của các nước trong khu vực thông qua việc tổ chức/giúp đỡ các hội nghị hay hội thảo quốc tế.	2	Cao	Bộ Thủy sản, RIMF, FPD, VEPA, NGOs	-	40	-	40
66	Thiết lập các khu vực bảo vệ liên quốc gia tại các khu vực như Trường Sa, Vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan	4	Trung bình	Bộ Thủy sản, Bord Pol, MoD, NGOs	-	-	20	20
67	Tìm hiểu những thông tin về các hoạt động bảo tồn và quản lý rùa biển của các nước khác, học hỏi kinh nghiệm và áp dụng vào Việt Nam	1	Cao	Bộ Thủy sản	5	5	-	10
68	Tìm kiếm khai thác các nguồn tài trợ quốc tế cho các dự án bảo tồn và quản lý rùa biển tại Việt Nam	1	Trung bình	Bộ Thủy sản, Vườn Quốc gia Côn Đảo, Vườn Quốc gia Núi Chúa, NGOs	5	-	-	5
69	Xem xét lại các thể chế chính sách và văn bản pháp luật của nhà nước nhằm tìm ra các thiếu sót hoặc những điểm yếu không phù hợp cho việc bảo tồn rùa biển tại Việt Nam	1	Cao	FPD, Bộ Thủy sản, VEPA	10	10	5	25
70	Hợp tác trong việc thi hành pháp luật, áp dụng các điều luật quốc tế cho phù hợp với thể chế chính sách của Việt Nam	1	Cao	Bộ Thủy sản	5	-	-	5

